

VIỆN NGHIÊN CỨU XÃ HỘI, KINH TẾ VÀ MÔI TRƯỜNG



**NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN VỀ  
HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN**

VÀ

**KHẢ NĂNG GÂY QUỸ  
CỦA CÁC TỔ CHỨC  
PHI CHÍNH PHỦ VIỆT NAM**



2015  
NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

**VIỆN NGHIÊN CỨU XÃ HỘI, KINH TẾ VÀ MÔI TRƯỜNG**

**NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN VỀ HOẠT ĐỘNG  
TỪ THIỆN VÀ KHẢ NĂNG GÂY QUỸ CỦA CÁC  
TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ VIỆT NAM**

**2015**

**NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI**



# MỤC LỤC

|       |   |   |
|-------|---|---|
| 1     | Lời cảm ơn  | 3 |
| 2     | Bối cảnh nghiên cứu                                   |   |
| 3     | Mục tiêu nghiên cứu                                   |   |
| 4     | Các kết quả nghiên cứu                                |   |
| 4.1   | Quan niệm của người dân về từ thiện                   |   |
| 4.2   | Thói quen đóng góp từ thiện của người dân             |   |
| 4.3   | Các yếu tố ảnh hưởng đến quyên góp từ thiện           |   |
| 4.3.1 | <i>Tính chính đáng của sự khó khăn</i>                |   |
| 4.3.2 | <i>Chuẩn mực về sự giúp đỡ qua lại</i>                |   |
| 4.3.3 | <i>Niềm tin tôn giáo</i>                              |   |
| 4.3.4 | <i>Quản lý hình ảnh và danh tiếng</i>                 |   |
| 4.3.5 | <i>Mức chung của cộng đồng</i>                        |   |
| 4.4   | Thách thức và rào cản cho hoạt động đóng góp từ thiện |   |
| 4.4.1 | <i>Niềm tin vào hiệu quả</i>                          |   |
| 4.4.2 | <i>Hành chính hóa</i>                                 |   |
| 4.5   | Sự sẵn sàng đóng góp cho các tổ chức phi chính phủ    |   |
| 5     | Kết luận và khuyến nghị                               |   |
|       | Tài liệu tham khảo                                    |   |



## **Lời cảm ơn**

Nghiên cứu này được thực hiện bởi Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) từ năm 2013 đến năm 2014. Chúng tôi chân thành cảm ơn Viện Xã hội học (Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam), cơ quan đã hỗ trợ iSEE trong việc thiết kế nghiên cứu và thu thập thông tin. Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn sự nhiệt tình tham gia trả lời phỏng vấn của người dân và cán bộ ở Hà Nội, Nam Định, Huế, Đắk Lắk và Thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, quận, huyện, phường, xã nơi chúng tôi thực hiện nghiên cứu. Chúng tôi biết ơn các cá nhân và tổ chức đã giúp đỡ nhóm nghiên cứu trong việc tiếp cận các tài liệu có liên quan, kết nối với các thông tin viên, và các công việc hậu cần khác. Sau cùng, chúng tôi cảm ơn tổ chức SIDA (Thụy Điển) đã hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu này. Những ý kiến nêu ra trong báo cáo này là của nhóm nghiên cứu và không phản ánh quan điểm của các tổ chức, cá nhân đã hỗ trợ nhóm thực hiện nghiên cứu này.

### **Nhóm nghiên cứu**

*Vũ Hồng Phong*

*Hoàng Anh Dũng*

*Lê Quang Bình*

*Phạm Thanh Trà*

## 1. Bối cảnh nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng các chiến lược nhằm đa dạng hóa nguồn tài trợ của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi. Khi thu nhập bình quân của người dân Việt Nam đạt mức trung bình thấp vào năm 2010, nhiều tổ chức quốc tế đã tuyên bố kế hoạch giảm dần trợ giúp cho Việt Nam để giúp đỡ các nước nghèo hơn. Một số tổ chức lớn, có vai trò đáng kể trong nhiều chương trình kinh tế, xã hội và y tế của Việt Nam bao gồm Quỹ Ford (Hoa Kỳ) và Sida (Thụy Điển) đã chấm dứt hoạt động ở Việt Nam vào các năm 2010 và 2011. Hệ quả là nguồn tài trợ quốc tế cho hoạt động phát triển của nhiều tổ chức thuộc chính phủ và phi chính phủ của Việt Nam đang giảm đi, gây ảnh hưởng tới sự bền vững và khả năng mở rộng của các hoạt động này (1, 2). Đứng trước tình hình này, ngày càng có nhiều tổ chức phi chính phủ Việt Nam mong muốn tìm kiếm các nguồn tài trợ từ người dân và doanh nghiệp trong nước như một cách giảm dần sự phụ thuộc về tài chính hiện nay của họ vào các tổ chức nước ngoài. Để làm được điều này, các tổ chức phi chính phủ Việt Nam cần tìm hiểu xem người dân và doanh nghiệp trong nước có nhận thức và thái độ như thế nào về họ và có sẵn sàng đóng góp từ thiện cho họ hay không.

Hiện tại, có rất ít nghiên cứu tập trung vào xem xét các vấn đề kể trên. Dường như trong nhiều năm, các chủ đề về từ thiện ở Việt Nam hiếm khi được ưu tiên trong các chương trình nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước. Trong số hơn 20 báo cáo và bài báo khoa học có liên quan ở các mức độ khác nhau tới đóng góp từ thiện ở Việt Nam mà chúng tôi thu thập được thông qua việc tìm kiếm tỉ mỉ ở nhiều

nguồn, chỉ có năm bài có chủ đề nghiên cứu chính là từ thiện. Trong số đó, ba báo cáo do các cơ sở nghiên cứu ở Việt Nam thực hiện đã nhấn mạnh rằng việc quyên góp từ thiện của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam gặp nhiều khó khăn do chưa có một khung pháp lý rõ ràng hướng dẫn hoạt động này. Việc đóng góp từ thiện của người dân Việt Nam là phổ biến (khoảng 80% số người được hỏi trả lời có đóng từ thiện trong năm vừa qua) nhưng mức đóng góp còn ít do sự nghi ngờ về tính minh bạch của các hoạt động từ thiện nói chung. Sự nghi ngờ này có liên quan tới các mô tả tiêu cực trên truyền thông đại chúng về các hoạt động từ thiện, cứu trợ nhân đạo trong những năm gần đây (3-5).

Hai bài nghiên cứu còn lại của Mark Sidel đã đưa ra những nhận định quan trọng về mối quan hệ giữa nhà nước, khối tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, tâm lý người dân, và hoạt động đóng góp từ thiện ở Việt Nam. Trong bài thứ nhất (6), ông mô tả rằng các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận đã phát triển nhanh chóng ở Việt Nam sau khi Đổi Mới bắt đầu (1986). Tuy nhiên, dường như các chính sách của nhà nước và tâm lý dân chúng là hai yếu tố ảnh hưởng không thuận lợi tới sự phát triển này. Thứ nhất, sự thành lập và hoạt động của khối phi chính phủ, phi lợi nhuận đã luôn được định hướng bởi nhà nước. Một mặt, nhà nước khuyến khích sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhất là trong những lĩnh vực mà nhà nước không có đủ nguồn lực để thực hiện những cam kết của mình. Mặt khác, nhà nước cũng tiến hành kiểm soát các tổ chức phi chính phủ để đảm bảo rằng hoạt động của các tổ chức này không gây ra những thách thức về chính trị (xem thêm 7, 8). Thứ hai, ông nhận thấy rằng dưới tác động của cải cách kinh tế, đóng góp của người dân cho các hoạt động vì lợi ích cộng



đồng đã tăng lên cùng với sự gia tăng thu nhập của các hộ gia đình. Tuy nhiên, thay vì đóng góp cho những người ở xa và không quen biết, người dân vẫn chủ yếu đóng góp từ thiện cho các cá nhân và nhóm tại địa phương của mình, bao gồm các nhóm nông dân, dòng họ, nhóm tín ngưỡng, và đền chùa (6). Xu hướng này cũng được ghi nhận trong một nghiên cứu năm 2008 về đóng góp từ thiện để giúp đỡ trẻ em nghèo tại nông thôn Trung Quốc, nơi có bối cảnh kinh tế xã hội tương đồng với nông thôn Việt Nam. Theo đó, người đóng góp từ thiện thường có quan hệ từ trước với người nhận từ thiện và thường trở thành một người ‘cô’, ‘chú’ hay ‘ông’ của người nhận từ thiện (9). Trong bài thứ hai (viết mười năm sau bài thứ nhất), Sidel quan sát thấy rằng cách tiếp cận vừa khuyến khích vừa kiềm chế như trên của nhà nước Việt Nam đối với khu vực phi chính phủ, phi lợi nhuận về cơ bản vẫn được duy trì dù Đổi Mới đã diễn ra hơn hai thập kỷ. Các quy định liên quan đến việc thành lập, lĩnh vực hoạt động, các hình thức quyên góp từ thiện được phép của các tổ chức phi chính phủ vẫn dừng ở trạng thái rắc rối và mơ hồ (10).

Theo Helmut Anheier và cộng sự, từ thiện (*charity*) có thể được hiểu là: a) việc tự nguyện giúp đỡ những người cần trợ giúp, bao gồm cả hành động *bố thí*, b) cơ quan hay tổ chức làm việc giúp đỡ người cần trợ giúp, c) những quan niệm về lòng tốt, sự hào phóng, vị tha và bao dung khi đánh giá người khác. Các tác giả này cũng cho rằng, theo nghĩa rộng, thì từ thiện có thể được hiểu như là những cam kết lâu dài và tự nguyện vì lợi ích của cộng đồng thông qua việc giải quyết các nguyên nhân sâu xa gây ra các vấn đề xã hội<sup>1</sup> (11). Trong

---

<sup>1</sup> Trong trường hợp này, thuật ngữ được sử dụng trong tiếng Anh là ‘philanthropy’.

ngiên cứu này, thuật ngữ ‘từ thiện’ được dùng để chỉ cả ý nghĩa trên. Tuy nhiên, cách hiểu về từ thiện của người dân sống trong các bối cảnh xã hội khác nhau có thể không trùng khớp với các định nghĩa này. Vì thế, việc tìm hiểu xem người dân hiểu thế nào về từ thiện, cũng như các yếu tố định hình nên cách hiểu đó, cũng là một phần của nội dung nghiên cứu nhằm tìm hiểu các hành vi từ thiện của họ.

Một cách tiếp cận tương tự cũng có thể được áp dụng cho khái niệm ‘tổ chức phi chính phủ’. Helmut Anheier và cộng sự cho rằng cụm từ ‘tổ chức phi chính phủ hay được dùng để nói đến các tổ chức không thuộc khu vực nhà nước, không vì lợi nhuận, có đóng góp cho việc phát triển kinh tế xã hội thông qua hoạt động thuộc nhiều lĩnh vực bao gồm quan hệ quốc tế, môi trường, nhân quyền, hỗ trợ nhân đạo và hợp tác phát triển’ (11). Tuy nhiên, khái niệm ‘tổ chức phi chính phủ’ thường không được sử dụng một cách nhất quán. Ở một số nơi, các nhóm tôn giáo, trường đại học, hội nghề nghiệp được coi là ‘tổ chức phi chính phủ’, còn ở các nơi khác thì không. Điều này gợi ý rằng thay vì cố gắng đưa ra một định nghĩa hoàn hảo, chúng ta nên tìm hiểu quan niệm phổ biến về ‘tổ chức phi chính phủ’ trong từng bối cảnh xã hội cụ thể, và các yếu tố xã hội, kinh tế, chính trị hay văn hóa cụ thể nào đã góp phần định hình nên cách hiểu phổ biến đó. Nghiên cứu này định nghĩa tổ chức phi chính phủ là tổ chức có tư cách pháp nhân, tương đối độc lập với nhà nước, hoạt động phi lợi nhuận, tự nguyện, vì lợi ích cộng đồng và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam là chính. Những định nghĩa rất khác của người dân về tổ chức phi chính phủ sẽ được phân tích ở các phần sau.

Dựa vào các phân tích kể trên, nghiên cứu này tập trung vào nhận thức của người dân đối với các hoạt động từ thiện nói

chung và hoạt động từ thiện của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam nói riêng. Báo cáo cũng xem xét sự sẵn sàng đóng góp của người dân cho hoạt động từ thiện của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

Nghiên cứu này nhằm mục đích góp phần tạo ra một sự hiểu biết sâu và rộng hơn so với những nghiên cứu trước đây về hoạt động từ thiện và khả năng đóng góp từ thiện của người dân cho các tổ chức phi chính phủ Việt Nam. Một sự hiểu biết như vậy sẽ giúp cho các tổ chức đang tham gia vào các hoạt động từ thiện nói chung điều chỉnh hoạt động của mình. Hơn nữa, các tổ chức phi chính phủ Việt Nam có thể căn cứ vào kết quả nghiên cứu để định hướng và lên kế hoạch cho các hoạt động từ thiện của họ trong tương lai. Để đạt được mục tiêu chung đó, nghiên cứu đặt ra ba mục tiêu cụ thể: *Thứ nhất*, chúng tôi muốn tìm hiểu nhận thức của người dân về các hoạt động từ thiện nói chung và thực trạng đóng góp từ thiện của họ hiện nay. *Thứ hai*, chúng tôi muốn tìm hiểu nhận thức của người dân về các tổ chức phi chính phủ Việt Nam và hoạt động từ thiện của các tổ chức này. *Sau cùng*, chúng tôi muốn tìm hiểu mức độ sẵn sàng của người dân Việt Nam trong việc đóng góp cho các tổ chức phi chính phủ Việt Nam.

## **3. Phương pháp nghiên cứu**

Để đạt được các mục tiêu cụ thể trên, nghiên cứu đã dựa trên một thiết kế nghiên cứu liên phương pháp với hai giai đoạn. ***Giai đoạn một*** nhằm khám phá các cách hiểu phổ biến của

người dân về hoạt động từ thiện và các tổ chức phi chính phủ, cũng như những yếu tố ảnh hưởng tới các cách hiểu đó. Giai đoạn này bao gồm các phỏng vấn sâu với 105 người dân thuộc các độ tuổi, giới tính và mức sống khác nhau như trình bày trong bảng 1. Những người dân tham gia vào giai đoạn một của nghiên cứu đang sinh sống tại năm tỉnh và thành phố đại diện cho miền Bắc (Hà Nội, Nam Định), miền Trung (Huế) và miền Nam (Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Tháp)<sup>2</sup>. Họ được lựa chọn tham gia nghiên cứu thông qua cách chọn mẫu có chủ đích để mẫu nghiên cứu có thể bao gồm những người thuộc các giới tính, nghề nghiệp, mức sống, và độ tuổi khác nhau. Chúng tôi đã phỏng vấn có ghi âm khoảng 20 đại diện cho các hộ gia đình ở mỗi tỉnh/thành phố (bao gồm 10 người tại một phường thuộc đô thị và 10 người tại một xã thuộc nông thôn). Việc xác định cỡ mẫu 20 cho mỗi địa bàn là dựa trên kinh nghiệm về sự bão hòa thông tin trong nghiên cứu định tính của các nghiên cứu viên trong nhóm. Chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích theo chủ đề để phân tích thông tin định tính. Theo đó, nội dung của các phỏng vấn sâu được các nghiên cứu viên đọc nhiều lần, thảo luận và nhóm chúng vào hai nhóm chủ đề lớn. Nhóm chủ đề thứ nhất liên quan tới quan niệm về hoạt động từ thiện, thực trạng đóng góp từ thiện của người trả lời và nguyên nhân của thực trạng này. Nhóm chủ đề này bao gồm các chủ đề nhỏ hơn như quan niệm về tính chính đáng của sự khó khăn, chuẩn mực về sự giúp đỡ qua lại, vấn đề quản lý danh tiếng, và niềm tin vào hiệu quả của các hoạt động từ thiện. Nhóm chủ đề thứ hai liên quan tới quan niệm của người dân về tổ chức phi chính phủ Việt Nam, sự sẵn sàng đóng góp cho các

tổ chức này, và các yếu tố liên quan tới quan niệm đó. Phần mềm Nvivo 10 được sử dụng trong việc quản lý và phân tích thông tin định tính.

Bảng 1. Một số đặc điểm của mẫu định tính

|   |         |
|---|---------|
| <b>Địa bàn cư trú</b>                               | (N=105) |
| Hà Nội  | 21      |
| Nam Định  | 20      |
| Huế   | 23      |
| Thành phố Hồ Chí Minh                               | 22      |
| Đồng Tháp   | 19      |
| <b>Khu vực cư trú</b>                               | (N=105) |
| Đô thị  | 51      |
| Nông thôn   | 54      |
| <b>Giới tính</b>                                    | (N=105) |
| Nam   | 58      |
| Nữ  | 47      |
| <b>Nhóm tuổi</b>                                    | (N=105) |
| 18->34  | 16      |
| 34->44  | 26      |
| 45 trở lên  | 63      |
| <b>Đã từng nhận từ thiện hay chưa</b>               | (N=105) |
| Đã từng nhận  | 19      |
| Chưa từng nhận                                      | 19      |
| Không xác định                                      | 67      |
| <b>Mức sống theo đánh giá của cán bộ địa phương</b> | (N=105) |
| Giàu, khá   | 27      |
| Trung bình, nghèo                                   | 78      |

Các kết quả nghiên cứu khám phá của giai đoạn một được sử dụng một phần để phát triển công cụ thu thập thông tin ở giai đoạn hai. **Giai đoạn hai** nhằm mô tả thực trạng đóng góp từ thiện nói chung và đóng góp từ thiện cho các tổ chức phi chính phủ nói riêng. Gần 1200 người dân sinh sống ở bốn tỉnh, thành khác nhau đại diện cho các vùng trên cả nước đã tham gia vào giai đoạn nghiên cứu này (Nam Định, Đắk Lắk, Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Tháp). Theo sự tư vấn của các chuyên gia thuộc Viện Xã hội học (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam), tại mỗi tỉnh/thành phố kể trên, chúng tôi chọn một quận/huyện trong số những quận/huyện được chính quyền địa phương xếp loại là ‘đô thị’, và một huyện trong số những huyện được xếp loại là ‘nông thôn’ một cách ngẫu nhiên. Từ mỗi quận/huyện này, một phường/xã được chọn ra cũng theo phương pháp ngẫu nhiên. Từ mỗi phường/xã được chọn, chúng tôi lại chọn ngẫu nhiên một tổ/thôn để phỏng vấn đại diện các hộ dân trong tổ/thôn đó. Đại diện các hộ dân được xác định là người đầu tiên trong hộ gặp điều tra viên, từ 18 tuổi trở lên, và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Bảng 2. Một số đặc điểm của mẫu định lượng

|                       |          |
|-----------------------|----------|
| <b>Địa bàn cư trú</b> | (N=1197) |
| Nam Định              | 300      |
| Đắk Lắk               | 300      |
| Thành phố Hồ Chí Minh | 297      |
| Đồng Tháp             | 300      |
| <b>Khu vực cư trú</b> | (N=1197) |
| Đô thị                | 598      |
| Nông thôn             | 599      |
| <b>Giới tính</b>      | (N=1197) |

|   |          |
|---|----------|
| Nam   | 591      |
| Nữ  | 606      |
| <b>Nhóm tuổi</b>                                    | (N=1197) |
| 18->30  | 238      |
| 31->45  | 480      |
| 46->60  | 399      |
| 61->78  | 80       |
| <b>Học vấn</b>                                      | (N=1193) |
| Chưa bao giờ đi học/mù chữ                          | 41       |
| Cấp 1   | 191      |
| Cấp 2   | 441      |
| Cấp 3   | 338      |
| Cao đẳng, đại học, sau đại học                      | 182      |
| <b>Mức sống theo đánh giá của cán bộ địa phương</b> | (N=1172) |
| Khá, giàu   | 247      |
| Trung bình  | 733      |
| Nghèo, rất nghèo                                    | 192      |

Dựa trên mẫu này, kỹ thuật phân tích bảng chéo đã được áp dụng nhằm mô tả các mối liên hệ hai biến số giữa một số yếu tố ảnh hưởng tới việc đóng góp từ thiện đã xác định ở giai đoạn khám phá và thực tế đóng góp từ thiện của đại diện các hộ gia đình. Các kết quả nghiên cứu từ phương pháp phân tích định tính và định lượng đã được đối chiếu, kết hợp với nhau để đưa ra câu trả lời cho các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra ban đầu.

Liên quan tới việc tính toán cỡ mẫu, tại mỗi tỉnh/thành phố nêu trên, chúng tôi muốn tìm hiểu xem liệu những người sinh sống ở đô thị có mức độ sẵn sàng đóng góp từ thiện cho các

tổ chức phi chính phủ khác với những người sinh sống ở nông thôn hay không. Sử dụng thông tin từ các nghiên cứu trước đây, chúng tôi ước lượng rằng chỉ khoảng 30% người dân đô thị sẵn sàng đóng góp từ thiện cho các tổ chức phi chính phủ, và chỉ khoảng 15% người dân nông thôn sẵn sàng làm điều này. Sử dụng công thức tính cỡ mẫu cho các nghiên cứu so sánh hai tỷ lệ do Fleiss và cộng sự đề xuất (12), với  $\alpha = 0.05$  và  $\beta = .80$  cho kiểm định hai hướng, chúng tôi xác định được rằng tại mỗi tỉnh cần chọn ra 134 người sống ở nông thôn và 134 người sống ở đô thị. Để bù vào những trường hợp theo đó người dân từ chối tham gia, hoặc không hoàn thành phỏng vấn, chúng tôi đã quyết định phỏng vấn 150 người ở đô thị và 150 ở nông thôn cho mỗi tỉnh/thành phố được chọn.

Việc chọn tổ/thôn và người đại diện các hộ gia đình được lặp lại (không bao gồm tổ/thôn trong phường/xã đã khảo sát) cho đến khi có khoảng 150 đại diện hộ gia đình được hỏi tại mỗi phường/xã. Kết quả, tại mỗi tỉnh đã xác định, chúng tôi đã hoàn thành phỏng vấn khoảng 300 đại diện hộ gia đình, trong đó khoảng một nửa sinh sống ở nông thôn và một nửa ở thành thị. Các thông tin được thu thập chủ yếu là thông tin của cá nhân người được hỏi chứ không phải thông tin của hộ gia đình mà người đó là đại diện. Sau khi loại bỏ những trường hợp không hợp lệ, tổng số người hoàn thành trả lời phỏng vấn thuộc giai đoạn hai ở bốn tỉnh/thành phố là 1197. Một số đặc điểm kinh tế - xã hội của những người này được trình bày trong bảng 2.

Nghiên cứu này đã chú trọng đến đạo đức nghiên cứu. Theo đó, người tham gia nghiên cứu được thông báo đầy đủ về mục đích của nghiên cứu và về các quy tắc bảo mật thông tin cho người trả lời. Họ cũng được thông báo rằng việc tham gia



ngiên cứu hay không tham gia nghiên cứu là hoàn toàn mang tính tự nguyện và sẽ không có ảnh hưởng gì tới hoạt động sống bình thường của họ. Để bù đắp cho phần thu nhập mất đi do người tham gia nghiên cứu tạm dừng lao động kiếm sống để đi lại và gặp gỡ các nhà nghiên cứu, chúng tôi đã trả cho mỗi người một khoản tiền là 100,000 đồng (50,000 cho các phỏng vấn ở giai đoạn hai, do chúng ngắn hơn). Sau cùng, báo cáo này đã không sử dụng tên thật của những người trả lời để đảm bảo rằng họ sẽ không phải chịu bất cứ phiền toái gì do đã cung cấp thông tin cho chúng tôi.

#### **4. Các kết quả nghiên cứu**

Các kết quả nghiên cứu trình bày dưới đây phản ánh cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu theo hướng khám phá và phân tích quy nạp theo chủ đề. Ngoài quan niệm về đóng góp từ thiện, thực trạng đóng góp từ thiện, và quan niệm về các tổ chức phi chính phủ các yếu tố ảnh hưởng tới việc đóng góp từ thiện cũng được xác định. Các yếu tố đó là tính chính đáng của sự khó khăn, chuẩn mực về sự giúp đỡ qua lại, quản lý danh tiếng, và niềm tin vào hiệu quả của các hoạt động từ thiện. Các yếu tố này phản ánh mối liên hệ giữa nhận thức và hành vi từ thiện với các yếu tố thuộc về cấu trúc xã hội và yếu tố chủ thể. Một mặt, nhận thức và đóng góp từ thiện của cá nhân chịu sự ảnh hưởng của các chuẩn mực đạo đức mà các thành viên trong cộng đồng nơi cá nhân đang sống chia sẻ. Những chuẩn mực này có thể bao gồm các quan niệm phổ biến trong cộng đồng về bản chất của hoạt động từ thiện, về đối tượng xứng đáng được nhận sự trợ giúp từ thiện, về đối tượng nên đóng góp từ thiện, hay là về sự trợ giúp qua lại. Mặt khác, việc đóng góp từ thiện của cá nhân

còn chịu ảnh hưởng bởi các suy xét, nhu cầu hay mong muốn liên quan tới các khía cạnh khác nhau trong đời sống của từng cá nhân. Thông qua cách thức tham gia vào các hoạt động từ thiện, cá nhân có thể quản lý danh tiếng của bản thân, hoặc bày tỏ niềm tin vào các tổ chức hay cá nhân đang tiến hành các hoạt động từ thiện nói riêng, thể chế mà các tổ chức và cá nhân đó là đại diện nói chung.

Bên cạnh đó, các kết quả nghiên cứu được phân tích trong bối cảnh xã hội Việt Nam đang chịu ảnh hưởng của các đặc điểm đặc trưng của một xã hội nông nghiệp, và quan điểm của các tôn giáo lớn như Nho giáo, Phật giáo và Thiên chúa giáo đối với từ thiện. Theo Gillespie và Penelope (2005:80), xã hội nông nghiệp Việt Nam có bảy đặc điểm: (i) đề cao tính cộng đồng; (ii) tin vào luật nhân quả; (iii) giữ hòa khí; (iv) chấp nhận/chịu đựng gian khổ; (v) giữ thể diện và giữ mối quan hệ; (vi) trọng người già; và (vii) nhân nghĩa. Ngoài ra, các tôn giáo cũng có thể ảnh hưởng rất lớn đến hành vi làm từ thiện của người Việt Nam. Ví dụ, Nho giáo cho rằng từ thiện là cốt lõi của nhân nghĩa, là thứ phân biệt ‘người quân tử’ với ‘kẻ tiểu nhân’. Phật giáo thì xem tâm từ và làm việc thiện là phương tiện giải thoát. Thiên chúa giáo thì cho từ thiện là một trong ba trụ cột đạo đức bên cạnh niềm tin và hy vọng.

#### ***4.1 Quan niệm của người dân về từ thiện***

Việc tìm hiểu quan niệm phổ biến của người dân về từ thiện là một trong các mục tiêu chính của nghiên cứu này. Khi được đề nghị đưa ra một định nghĩa về hoạt động từ thiện, hầu hết những người tham gia phỏng vấn sâu cho rằng các hoạt động từ thiện là nhằm giúp đỡ người nghèo, người khuyết tật, hoặc những người có hoàn cảnh khó khăn. Nói cách khác, họ thường hiểu về hoạt động từ thiện theo nghĩa hẹp, hay là ‘lá

lành đùm lá rách'. Các hình thức đóng góp từ thiện khác, như đóng góp từ thiện để xây dựng các công trình công cộng hay hiến máu nhân đạo, cũng đôi khi được nhắc tới, nhưng chúng không phải là cách hiểu về từ thiện mà đa số người tham gia phỏng vấn sâu chia sẻ. Các đoạn trích sau đây là điển hình cho cách hiểu về từ thiện như là 'lá lành đùm lá rách', và tương đối đồng nhất giữa các vùng, miền, giới, nhóm tuổi:

“Hoạt động từ thiện là ủng hộ người khuyết tật này, ủng hộ trẻ em nghèo vượt khó này, hay là ủng hộ đồng bào dân tộc nghèo đói.” (Nữ, 52 tuổi, Cầu Giấy)

“Em chỉ hiểu hoạt động từ thiện là cái hoạt động ủng hộ cái gì đấy cho người nghèo, người khuyết tật, hoặc là cái người mà khổ, mà mình đỡ họ cái gì đấy về vật chất thì gọi đó là làm từ thiện.” (Nữ, 34 tuổi, Chương Mỹ)

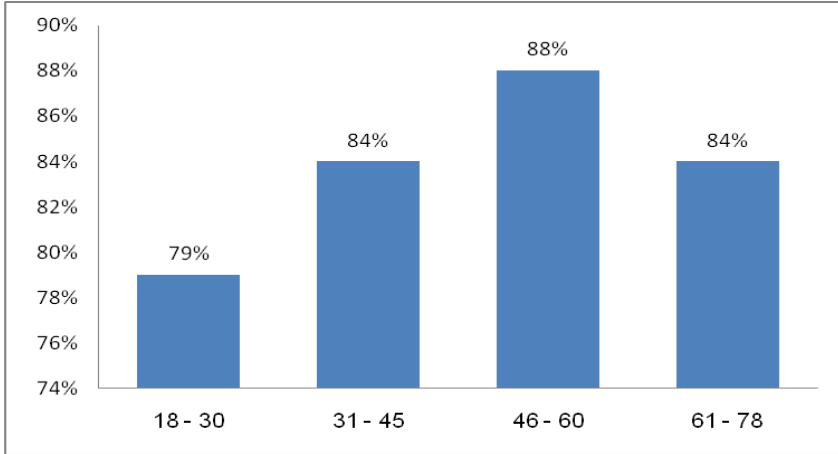
“Hoạt động từ thiện là giúp người nghèo, người ta cần.” (Nam, 49 tuổi, Cao Lãnh)

Trong các cuộc phỏng vấn, các hoạt động mang tính 'phát triển' như bảo vệ quyền con người, khuyến học, chống tham nhũng hoặc bảo vệ môi trường rất ít khi được nhắc đến. Đây cũng là điều dễ hiểu bởi người dân thường quan tâm hơn đến những hoàn cảnh khó khăn cạnh mình, hoặc nhu cầu được trợ giúp khẩn cấp, nhất thời hơn là những vấn đề mang tính "vĩ mô", "xa xôi" hoặc không thấy kết quả ngay lập tức. Hơn nữa, nhiều người cho rằng chống tham nhũng hoặc cải thiện chất lượng giáo dục, y tế là công việc của nhà nước.

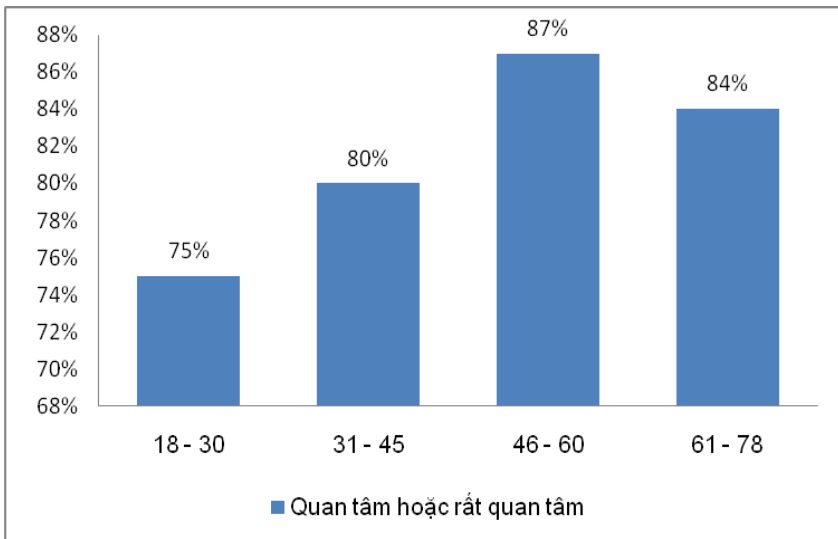
Theo kết quả điều tra, 81% người được hỏi có quan tâm hoặc rất quan tâm đến hoạt động từ thiện. Tương tự như vậy, 83% cho rằng hoạt động từ thiện rất quan trọng đối với sự phát

triển của cộng đồng và đất nước. Có sự khác biệt về mức độ quan trọng và mức độ quan tâm của người dân đối với hoạt động từ thiện như biểu đồ 1 và 2 dưới đây.

Biểu đồ 1: Mức độ quan trọng của từ thiện tính theo độ tuổi



Biểu đồ 2: Mức độ quan tâm đến hoạt động từ thiện tính theo độ tuổi



Theo kết quả điều tra, đa số người dân biết về các hoạt động cứu trợ thiên tai, giúp đỡ người nghèo, hỗ trợ người khuyết tật, nạn nhân chất độc màu da cam, hoặc trẻ em mồ côi qua Tivi, loa đài và chính quyền địa phương. Cụ thể, 54% người dân biết về hoạt động cứu trợ thiên tai qua loa, đài, 30% biết qua Tivi, và 8% biết qua cán bộ địa phương. Tương tự, 34% người dân biết về việc giúp đỡ người nghèo qua loa đài, 31% biết qua tivi và 19% biết qua cán bộ địa phương.

Số liệu khảo sát cho thấy có từ 90-100% người dân cho rằng công việc từ thiện được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước là chính. Ví dụ, 90% người dân cho rằng cứu trợ thiên tai, giúp đỡ người nghèo hay giúp đỡ trẻ mồ côi do nhà nước thực hiện, 100% cho rằng hoạt động giúp đỡ nạn nhân chất độc màu da cam do nhà nước làm. Riêng hoạt động khuyến học thì có gần 20% cho rằng do cá nhân/nhóm cá nhân (đồng họ) làm. Trong tất cả các lĩnh vực hoạt động từ thiện, chỉ có 0-2% người được hỏi cho rằng các tổ chức phi chính phủ làm là chính.

Vì đa số người dân biết và tham gia vào các hoạt động từ thiện do chính quyền tổ chức nên khi đánh giá về chất lượng và hiệu quả hoạt động từ thiện, ví dụ như “đúng đối tượng”, “tính kịp thời” hay “phù hợp với nhu cầu cần giúp đỡ”, họ thường xem xét hoạt động từ thiện của các cơ quan nhà nước. Khi nói về hoạt động từ thiện của các tổ chức phi chính phủ, người dân thường nói “không biết”. Kết quả cụ thể được thể hiện trong bảng 3 dưới đây.

Bảng 3: Đánh giá của người dân về hiệu quả hoạt động từ thiện của các loại hình tổ chức

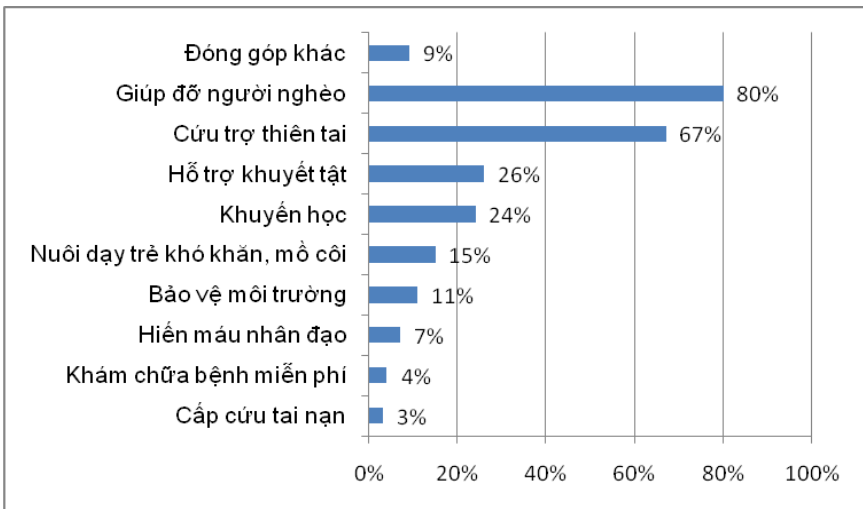
| Đánh giá   | Tổ chức nhà nước (%) |          |              | Cá nhân (%)    |          |              | Tổ chức NGO (%) |          |              |
|------------|----------------------|----------|--------------|----------------|----------|--------------|-----------------|----------|--------------|
|            | Đúng đối tượng       | Kịp thời | Đúng nhu cầu | Đúng đối tượng | Kịp thời | Đúng nhu cầu | Đúng đối tượng  | Kịp thời | Đúng nhu cầu |
| Tốt/ Khá   | 76                   | 67       | 63           | 37             | 34       | 30           | 11              | 9        | 9            |
| Không biết | 15                   | 23       | 28           | 48             | 54       | 58           | 88              | 88       | 89           |

Như vậy, xét về tính chất “đúng đối tượng”, “kịp thời” hay “phù hợp với nhu cầu cần giúp đỡ” thì các tổ chức nhà nước đang được đánh giá cao nhất, so với cá nhân và các tổ chức phi chính phủ. Điều này chỉ mang tính tham khảo vì đa số người dân không biết về hoạt động của các tổ chức phi phủ để đánh giá. Khi đánh giá “tính công khai và minh bạch”, người dân tiếp tục cho điểm đối tượng cá nhân và tổ chức NGO khá giống với đánh giá về hiệu quả. Tuy nhiên, tỉ lệ đánh giá khá/tốt cho các tổ chức nhà nước có giảm xuống, chỉ đạt 53%. Điều này cũng phù hợp với các phỏng vấn sâu khi người dân bộc lộ sự nghi ngờ về nguy cơ tham nhũng trong hoạt động từ thiện, đặc biệt khi báo chí nói nhiều đến việc cán bộ cắt xén đồ cứu trợ, hoặc ưu tiên phát đồ cứu trợ cho người nhà, người quen của mình.

## 4.2 Thói quen đóng góp từ thiện của người dân

Do quan niệm về từ thiện và lĩnh vực huy động từ thiện của chính quyền nên đa số người dân đóng góp cho các hoạt động giúp đỡ người nghèo và cứu trợ thiên tai. Cụ thể, các lĩnh vực người dân đóng góp được trình bày ở Biểu đồ 3 dưới đây.

Biểu đồ 3. Đóng góp cho các mục tiêu từ thiện (% , N=1197)



Tỷ lệ người trả lời nói rằng trong năm 2012 họ đã đóng góp từ thiện cho người nghèo là 80%, cho người vừa chịu thiên tai là 67%, cho người bị khuyết tật là 26%. Trong khi đó, tỷ lệ đóng góp cho các mục đích khác như bảo vệ môi trường, hiến máu nhân đạo, hay hỗ trợ khám chữa bệnh miễn phí đều rất thấp (lần lượt là 11%, 7%, và 4%).

Như trình bày trong bảng 4, trung bình trong năm 2012, mỗi người tham gia phỏng vấn đã đóng 342 nghìn đồng cho các mục tiêu từ thiện khác nhau, và mức đóng góp phổ biến nhất (trung vị) là 100 nghìn đồng/người. Đối với đa số người trả lời (64%), mức đóng góp từ thiện của họ trong năm qua là vừa

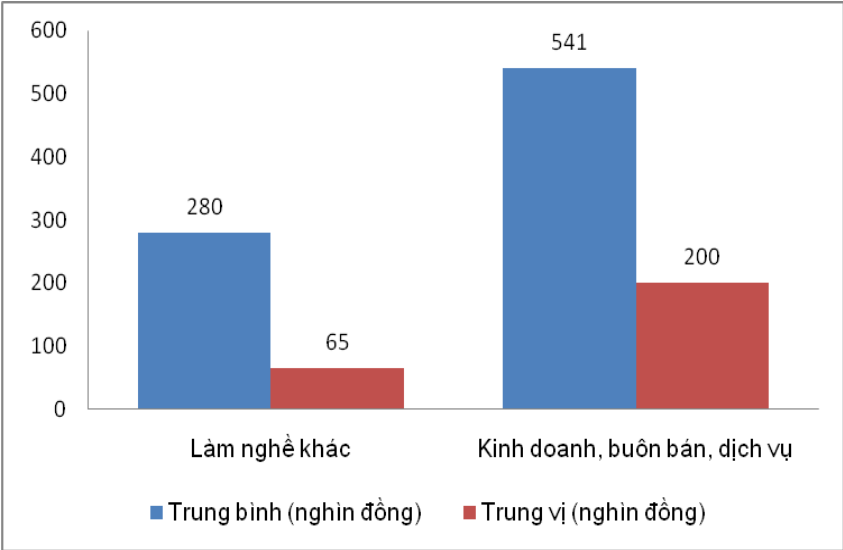
phải so với thu nhập của họ. Đồng Tháp là nơi có mức đóng góp từ thiện bình quân đầu người cao nhất (593 ngàn đồng), với mức phổ biến nhất là 250 ngàn đồng/người. Trong khi đó, Nam Định là nơi có mức đóng góp từ thiện bình quân đầu người thấp nhất (181 ngàn đồng), với mức phổ biến nhất là 80 ngàn đồng/người.

Phần lớn số tiền đóng góp từ thiện trong năm 2012 là nhằm giúp đỡ người nghèo (159 nghìn đồng/người) và cứu trợ thiên tai (68 ngàn đồng/người). Mức đóng góp từ thiện cho mục tiêu khuyến học và giúp đỡ người khuyết tật lần lượt là 19 ngàn đồng/người và 17 ngàn đồng/người. So với các tỉnh khác, mức đóng góp từ thiện cho mục tiêu khuyến học và giúp đỡ người khuyết tật ở Nam Định là cao nhất (lần lượt là 27 nghìn/người và 28 nghìn/người). Về hình thức đóng góp, cách đóng góp từ thiện bằng tiền là phổ biến nhất, mặc dù hình thức đóng góp bằng hiện vật (chủ yếu là tặng gạo) ở Đắk Lắk và Đồng Tháp là phổ biến hơn ở những nơi khác.

Nhìn chung thì mức đóng góp từ thiện của các hộ kinh doanh, buôn bán có vẻ cao hơn mức đóng góp từ thiện của các hộ khác. Kết quả phân tích dữ liệu định lượng trình bày ở biểu đồ 2 cho thấy trung bình trong năm 2012, những người làm nghề kinh doanh, buôn bán, dịch vụ đã đóng góp 541 ngàn đồng cho các mục tiêu từ thiện, tức là gần gấp đôi mức đóng góp trung bình trong cùng thời kỳ của những người làm nghề khác (280 ngàn đồng). Mức đóng góp từ thiện phổ biến nhất (trung vị) trong năm 2012 của người làm nghề kinh doanh, buôn bán, dịch vụ là 200 ngàn đồng. Trong khi con số này của những người làm nghề khác chỉ là 65 ngàn đồng.



Biểu đồ 4. So sánh mức đóng góp từ thiện trong năm 2012 của người làm nghề kinh doanh, buôn bán, dịch vụ với những người làm nghề khác (N=1035)

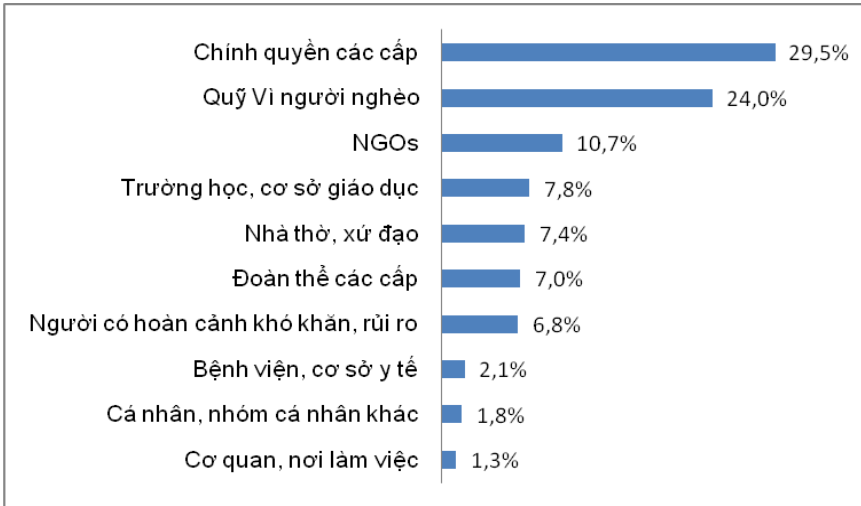


Bảng 4. Mức đóng góp cho các mục tiêu từ thiện phân theo tỉnh (nghìn đồng, N=1197)

|           |                 | Cứu trợ thiên tai | Cấp cứu tai nạn | Giúp đỡ người nghèo | Hiến máu nhân đạo | Hỗ trợ người khuyết tật | Nuôi dạy trẻ khó khăn | Bảo vệ môi trường | Khuyến học | Khám chữa bệnh miễn phí | Khác | Tổng |
|-----------|-----------------|-------------------|-----------------|---------------------|-------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------|------------|-------------------------|------|------|
| Nam Định  | Trung bình      | 44                | 2               | 32                  | 2                 | 28                      | 8                     | 13                | 27         | 1                       | 37   | 181  |
|           | <i>Trung vị</i> | 20                | 0               | 20                  | 0                 | 10                      | 0                     | 0                 | 20         | 0                       | 0    | 80   |
| Đắk Lắk   | Trung bình      | 79                | 2               | 199                 | 4                 | 11                      | 11                    | 0                 | 23         | 1                       | 9    | 372  |
|           | <i>Trung vị</i> | 50                | 0               | 20                  | 0                 | 0                       | 0                     | 0                 | 0          | 0                       | 0    | 60   |
| TP. HCM   | Trung bình      | 68                | 1               | 83                  | 4                 | 21                      | 16                    | 2                 | 9          | 4                       | 13   | 222  |
|           | <i>Trung vị</i> | 20                | 0               | 15                  | 0                 | 0                       | 0                     | 0                 | 0          | 0                       | 0    | 50   |
| Đồng Tháp | Trung bình      | 84                | 23              | 319                 | 1                 | 8                       | 17                    | 5                 | 18         | 6                       | 2    | 593  |
|           | <i>Trung vị</i> | 0                 | 0               | 100                 | 0                 | 0                       | 0                     | 0                 | 0          | 0                       | 0    | 250  |
| Tổng      | Trung bình      | 68                | 7               | 159                 | 3                 | 17                      | 13                    | 5                 | 19         | 3                       | 15   | 342  |
|           | <i>Trung vị</i> | 20                | 0               | 20                  | 0                 | 0                       | 0                     | 0                 | 0          | 0                       | 0    | 100  |

Các kênh đóng góp từ thiện của người dân khá đa dạng cho dù các kênh liên quan đến chính quyền địa phương hay các tổ chức gắn với nhà nước vẫn chiếm đa số. Kết quả cụ thể được trình bày trong biểu đồ 5.

Biểu đồ 5: Kênh đóng góp từ thiện của người dân



### 4.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đóng góp từ thiện

Theo các nghiên cứu khác nhau, việc một người đóng góp từ thiện liên quan nhiều đến các yếu tố văn hóa, tôn giáo và sự tin tưởng của họ đối với tính hiệu quả, trung thực và minh bạch của các cơ quan tổ chức hoạt động từ thiện. Theo Bekkers và Wiepking (2011), các cá nhân có khả năng đóng góp từ thiện nếu họ (i) nhận thức được nhu cầu của người cần giúp đỡ, ví dụ như biết cụ thể người cần giúp đỡ; (ii) được vận động đóng góp bởi một tổ chức đáng tin cậy; (iii) nhận thấy chi phí cho việc đóng góp (thuế) nhỏ và lợi ích khi đóng góp rõ ràng; (iv) động cơ nhân ái mạnh mẽ; (v) nhận thấy việc

đóng góp từ thiện có lợi cho danh tiếng bản thân; (vi) nhận thấy lợi ích về mặt tâm lý, ví dụ như thoải mái khi đem cho; (vii) tương thích và đóng góp cho những giá trị sống vì cộng đồng, và (viii) thấy rõ tính hiệu quả. Trong nghiên cứu này, các yếu tố kể trên cũng xuất hiện trong các cuộc phỏng vấn sâu. Để dễ theo dõi, nhóm nghiên cứu nhóm lại thành các yếu tố cụ thể như dưới đây.

#### *4.3.1 Tính chính đáng của sự khó khăn*

Khi trả lời câu hỏi tại sao người dân lại quan tâm và sẵn sàng đóng góp từ thiện, nhóm nghiên cứu nhận thấy có những khía cạnh văn hóa thú vị liên quan tới khái niệm về từ thiện mà đa số người dân chia sẻ. Các phỏng vấn định tính cho thấy tình trạng nghèo khổ hay khuyết tật chỉ là điều kiện cần cho quyết định đóng góp từ thiện. Nhiều người dân đã đề cập tới điều mà chúng tôi tạm gọi là quan niệm về “tính chính đáng của sự khó khăn”. Khi một cá nhân rơi vào tình trạng khó khăn về kinh tế, việc cá nhân đó có nhận được sự trợ giúp từ cộng đồng hay không phụ thuộc vào việc cộng đồng đánh giá như thế nào về lý do khiến anh hay chị ta gặp khó khăn đó. Những trường hợp gặp khó khăn do là thương binh, khuyết tật do bẩm sinh hay tai nạn, và bị mắc bệnh hiểm nghèo thường được coi là chính đáng và do vậy đáng được nhận trợ giúp từ thiện. Trái lại, những trường hợp gặp khó khăn do ‘lười lao động’, hoặc tham gia vào các hoạt động phạm pháp như nghiện hút, cờ bạc thì thường được coi là không xứng đáng nhận trợ giúp từ thiện.

Phần lớn người được hỏi xác định tính chính đáng của sự khó khăn dựa trên hai nguồn. Thứ nhất, họ dựa vào các phương tiện thông tin đại chúng. Khoảng 70% đến 80% số người được hỏi cho rằng họ đã được biết về các trường hợp cần trợ

giúp do thiên tai hay nghèo đói thông qua loa, đài hoặc vô tuyến. Trong nhiều trường hợp, sự tham gia của các cơ quan truyền thông đại chúng khiến cho hoàn cảnh khó khăn của một người hoặc nhóm người được biết tới nhanh hơn và trở nên chính đáng được nhận trợ giúp hơn hoàn cảnh của một người hoặc nhóm người khác. Theo lời kể của những người đã từng hoặc đang tham gia công tác vận động từ thiện ở cộng đồng, người dân thường sẵn sàng đóng góp từ thiện cho các nạn nhân lụt bão khi họ được vận động đóng góp không lâu sau khi các chương trình truyền hình đưa tin về mức độ thiệt hại do cơn bão gây ra. Các chương trình đó giúp cho những người đi quyên góp (thường là tổ trưởng dân phố hay trưởng thôn) không tốn nhiều công sức để chứng minh sự chính đáng của đối tượng gặp khó khăn. Họ thường nói rằng đi quyên góp từ thiện sau khi có thông tin về bão lụt trên vô tuyến là “dễ hơn”. Tương tự, việc quyên góp ủng hộ cho thương binh thuộc Quân đội Nhân dân Việt Nam, các gia đình liệt sỹ và trẻ tàn tật cũng được coi là dễ hơn do đây là những trường hợp được các chương trình truyền hình và phát thanh đề cập tới nhiều hơn.

Cách thứ hai để biết liệu một yêu cầu trợ giúp có ‘chính đáng’ hay không dựa trên sự quan sát và tiếp xúc trực tiếp với người đang có yêu cầu trợ giúp sống chung trong cộng đồng. Người ta thường xác định được ngay sự khó khăn của một người sống chung với họ trên cùng một địa bàn có nguyên nhân gì, và do vậy người đó có đáng được giúp đỡ hay không. Theo chị Hương, 32 tuổi, kế toán cho một công ty tư nhân ở Huế thì:

“Hoạt động từ thiện ...nó nhiều mặt lắm..... Có ai mà để ý tới cái chuyện mà hoạt động từ thiện mà trên báo

chí hoặc là đài mà người ta đưa ra? Mà [mình] chỉ thấy là tận trước mắt, có nghĩa là trước mắt mình xảy ra một cái hoàn cảnh như thế nào đó thì cái khả năng như mình giúp được bao nhiêu đó thì mình có thể giúp mình làm thôi.” (Nữ, 32 tuổi, Thành phố Huế)

Có nhiều ví dụ cho thấy quan niệm về tính chính đáng của sự khó khăn có ảnh hưởng tới việc đóng góp từ thiện. Là một người thường xuyên tổ chức các hoạt động quyên góp từ thiện để giúp đỡ cho các đối tượng khác nhau, sự trụ trì của một ngôi chùa ở thành phố Huế kể rằng công việc quyên góp từ thiện của ông thường không thuận lợi khi đối tượng cần trợ giúp được biết đến như là những người từng làm nghề mại dâm, nghiện hút ma túy, có HIV, hay cờ bạc. Nhiều người khác kể về việc họ đã cư xử thế nào với những người nghèo nhưng “không xứng đáng” được giúp đỡ. Chị Lê, 47 tuổi và sống ở thành phố Huế nói rằng chị thường không cho tiền những người ‘ăn xin’ nhưng bề ngoài trông lại có vẻ khỏe mạnh. Tương tự, chị Thủy (57 tuổi, Huế) cho biết chị sẽ cho một người ‘ăn xin’ từ hai đến năm ngàn đồng tùy theo mức độ ốm yếu và nghèo khổ bên ngoài của người đó. Còn nếu người đó trông khỏe mạnh, thì chị sẽ “không cho đồng nào”. Ông Cảnh, 64 tuổi ở Lập Vò (Đông Tháp), thì thường xem xét kỹ những đề án có mục đích xây hay sửa nhà cho người nghèo ở địa phương để tìm hiểu xem những người nhận có xứng đáng không trước khi quyết định đóng góp.

Tóm lại, quan niệm cho rằng làm từ thiện là ‘giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn’ là phổ biến tại các địa phương được khảo sát. Các thông tin về thực trạng đóng góp từ thiện trong năm 2012 cho thấy đa số người được hỏi đã đóng góp từ thiện để giúp đỡ người nghèo, người bị thiệt hại do thiên tai, và

người khuyết tật. Tuy nhiên, việc một người được coi là ‘nghèo’ hay ‘khó khăn’ không nhất thiết dẫn tới việc anh hay chị ta sẽ nhận được sự trợ giúp của những người khác. Một trong những nguyên nhân khiến người ta đóng góp để giúp đỡ những người khó khăn là quan niệm về tính chính đáng của sự khó khăn. Những người gặp khó khăn do những lý do không được xã hội chấp nhận (như nghiện hút hay cờ bạc) thì ít có khả năng được trợ giúp từ cộng đồng. Ở một mức độ nào đó, quan niệm về tính chính đáng của sự khó khăn đóng vai trò kiểm soát các hành vi được coi là ‘lệch chuẩn’ trong cộng đồng.

#### *4.3.2 Chuẩn mực về sự giúp đỡ qua lại*

Chuẩn mực về sự giúp đỡ qua lại trong cộng đồng có liên quan tới việc đóng góp từ thiện của người dân. Mặc dù không biết rõ về tính chính đáng của sự khó khăn, người ta có thể đóng góp để giúp đỡ cho một người trong cộng đồng dựa trên niềm tin rằng một ngày nào đó người đó và những người khác trong cộng đồng sẽ giúp đỡ lại mình như một hình thức ‘trả nợ’ (13). Chuẩn mực về sự giúp đỡ qua lại là thành tố chính tạo nên các mạng lưới của những ‘người quen’. Thông qua các mạng lưới này, người ta có thể tiếp cận các nguồn lực khác nhau một cách dễ dàng hơn (14, 15). Ý kiến sau đây của hai phụ nữ, một là chủ một cửa hàng tạp hóa nhỏ ở Lấp Vò và một là người bán cơm bình dân ở Củ Chi là tiêu biểu cho quan niệm của nhiều người tham gia nghiên cứu này về mối liên hệ giữa đóng góp từ thiện và chuẩn mực về sự giúp đỡ qua lại trong cộng đồng:

“Nếu khi nào mình thấy mình bán có đồng vô đồng ra thì mình...giúp cái đó thì cũng thấy tốt cho sau này cho con cái...Đó thì ... lá lành đùm lá rách nhưng mà

mình thấy đỡ hơn người ta, thấy hoàn cảnh khổ hơn mình thì mình giúp người ta, sau mình có khổ thì [người ta] giúp lại, đây nghĩ là nghĩ như vậy.” (Nữ, 43 tuổi, Lập Vò)

“Chị không có đi chùa, nhưng mà chị giúp được mấy cái đó là chị rất là vui, chị nói thiệt, chị vui lắm...Chị nói thiệt...mấy đứa học sinh đi đường trúng gió, lớn rồi nhen, trúng gió gọi chị, chị dắt vô nhà chị lo thuốc thang, rồi...chị chờ cho về tới nhà giùm cho người ta. Đó...mình giúp người ta, lúc khác người khác giúp lại mình, mình cứ nghĩ thế mà chị làm.” (Nữ, 37 tuổi, Củ Chi)

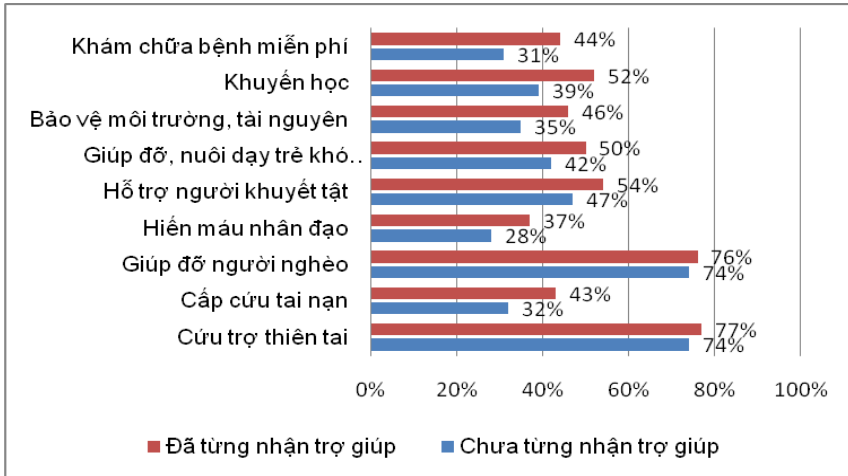
Các đoạn trích trên phản ánh một nhận thức phổ biến trong những người tham gia nghiên cứu rằng mối quan hệ ‘có đi có lại’ giữa người giúp đỡ và được giúp đỡ sẽ góp phần giúp cả hai phía đối phó với các rủi ro có thể xảy đến trong tương lai. Có lẽ vì lý do này mà nhiều người muốn đóng góp từ thiện cho người bên trong cộng đồng của họ, nơi mà các mối quan hệ có đi có lại dễ dàng được xây dựng, hơn là cho người bên ngoài. Thực vậy, theo một cán bộ văn hóa phường 49 tuổi ở thành phố Nam Định, thì những hoạt động từ thiện mà anh biết chủ yếu hướng đến các đối tượng ở trong phường nơi anh sinh sống. Việc đóng góp cho bên ngoài thậm chí còn có thể bị coi là ‘không chấp nhận được’ nếu như không có các lý do chính đáng, như lời của một thanh niên 29 tuổi làm nghề quản lý bến xe ở thành phố Huế:

“Trong địa phương mình phải xong, mình dư dả mới đưa ra ngoài được chứ, còn ở trong địa phương không có bây chừ đem đi vác đi cho địa phương khác sao ai chấp nhận được.” (Nam, 29 tuổi, Thành phố Huế)



Trong khi chuẩn mực về sự giúp đỡ qua lại tạo cơ hội cho những người khó khăn có được sự trợ giúp từ cộng đồng, nó cũng mang đến cho họ nghĩa vụ phải đóng góp trở lại cho cộng đồng. Điều này có thể được cảm nhận rõ nét trong các phỏng vấn với những người dân đã từng nhận được sự giúp đỡ từ thiện trong quá khứ, đặc biệt là những người sống trong các cộng đồng ven biển ở Hải Hậu (Nam Định) và Thanh Thủy (Huế). Người dân ở những nơi này đã phải hứng chịu nhiều cơn bão lớn, chịu nhiều thiệt hại trong quá khứ, và đã nhận được trợ giúp từ thiện từ các nguồn khác nhau. Nhiều người dân ở xã Hương Thủy (Thanh Thủy, Huế) còn nhớ về trận lụt lớn năm 1999 khiến cho đa số nhà dân và hoa màu ở đây bị hư hại. Theo anh Phước, một nông dân 55 tuổi ở Hương Thủy, sự giúp đỡ từ thiện mà người dân ở đây nhận được trong dịp đó đã làm “thay đổi tâm lý” của họ, khiến họ sẵn sàng đóng góp cho các hoạt động từ thiện hơn. Những người dân Hương Thủy khác như chị Lệ (47 tuổi, bán tạp hóa) và chị Thu (53 tuổi, cán bộ Hội Phụ nữ) đều bày tỏ sự sẵn sàng đóng góp để giúp đỡ cho những người gặp phải những khó khăn tương tự như các chị gặp vào năm 1999. Các phân tích dựa trên mẫu định lượng ở bốn tỉnh cũng cho thấy kết quả tương tự, như trình bày ở biểu đồ 6. Cụ thể, khi so sánh với những người chưa từng nhận trợ giúp từ thiện, thì những người đã từng nhận trợ giúp từ thiện có mức độ sẵn sàng đóng góp từ thiện cao hơn ở tất cả các mục tiêu từ thiện.

Biểu đồ 6. So sánh mức độ sẵn sàng đóng góp từ thiện cho các đối tượng khác nhau của người đã và chưa từng nhận trợ giúp từ thiện (% , N=1197)



Mức độ tuân thủ chuẩn mực về sự giúp đỡ qua lại có ảnh hưởng đáng kể đến tính liên tục của các hoạt động từ thiện trong một cộng đồng cụ thể. Những người đóng góp có mong đợi ngầm rằng họ sẽ được cộng đồng giúp đỡ lại khi gặp khó khăn. Trong khi đó, những người nhận trợ giúp được hy vọng rằng họ sẽ giúp đỡ những người đã giúp họ. Nếu các mong đợi này được đáp ứng, chuẩn mực về sự giúp đỡ qua lại sẽ được củng cố và các cá nhân trong cộng đồng có xu hướng lặp lại sự giúp đỡ của mình trong một sự kiện khác. Nếu mong đợi này không được đáp ứng, thì sự sẵn sàng đóng góp từ thiện trong tương lai của những người đã từng đóng góp, và sau đó có thể là của cả cộng đồng, sẽ giảm đi đáng kể. Chị Tuyết, một nông dân 34 tuổi ở Hải Hậu kể rằng chị trước đây đã thường xuyên đóng góp cho các hoạt động từ thiện ở địa phương. Tuy nhiên, chị đã “không được cái gì” sau khi một

con bão làm “tan nát” ngôi nhà và cánh đồng lúa của chị. Sau sự kiện này, chị cảm thấy “tức” và không “thoải mái” với các hoạt động từ thiện ở địa phương. Trong trường hợp này, động cơ và tính liên tục của hoạt động từ thiện của cá nhân có thể bị ảnh hưởng do niềm tin vào sự giúp đỡ có đi có lại đã bị phá vỡ. Trái lại, ở Hương Thủy, một vùng ngoại ô của thành phố Huế thường xuyên phải đối mặt với lũ lớn, chuẩn mực về sự giúp đỡ có đi có lại có vẻ như đang được tuân thủ bởi những người dân địa phương. Nhiều người dân ở đây đã tỏ ý sẵn sàng đóng góp từ thiện cho những người đang gặp khó khăn với mong muốn đền đáp lại sự giúp đỡ mà họ đã nhận được trước đây.

#### *4.3.3 Niềm tin tôn giáo*

Trong nhiều trường hợp, việc đóng góp từ thiện không nhất thiết xuất phát từ mong đợi ngầm rằng ai đó trong cộng đồng sẽ trả ơn cho mình, mà từ niềm tin vào các tín ngưỡng hay tôn giáo. Thực vậy, nhiều nghiên cứu trên các nhóm người theo các tôn giáo hay tín ngưỡng khác nhau trên thế giới đã cho thấy mối liên hệ chặt chẽ và thuận chiều giữa niềm tin tôn giáo và hành vi từ thiện (16, 17). Tại Việt Nam, việc các tôn giáo lớn như Không giáo, Phật giáo (gồm Phật giáo Hòa Hảo), hay Thiên Chúa giáo đề cao việc làm từ thiện được cho là có ảnh hưởng tới nhận thức và đóng góp từ thiện của người dân có đạo (18). Trong nghiên cứu này, các phỏng vấn sâu những người thuộc về các tôn giáo và tín ngưỡng khác nhau cho thấy nhiều người tin việc làm từ thiện của mình sẽ được chúa, trời phật, hoặc thánh thần ghi nhận. Đến một lúc nào đó, khi họ hay con cháu gặp phải hoàn cảnh khó khăn thì sẽ được giúp đỡ. Theo quan niệm đó, làm từ thiện có nghĩa là ‘tích đức’. Các ý kiến sau của một nữ tổ trưởng dân phố ở thành

phố Cao Lãnh và một nam giới là thợ gò ở thành phố Nam Định là tiêu biểu cho quan niệm này:

“Bên đạo Phật đa số thì người ta hiểu người ta nghĩ tới chuyện tích đức, tích đức cho con cháu. Ví dụ bây giờ hồi xưa mình không có tiền, mình không có tạo cái đức cho con mình được thì bây giờ mình có cái điều kiện thì mình làm, thí dụ như ủng hộ người nghèo, ủng hộ bão lụt, cái đó là hai cái quan trọng nhất giúp đỡ người ta vượt qua cái khó khăn. Thì cái đó là mình tạo cái phúc cho con cháu của mình sau này rồi.” (Nữ, 58 tuổi, Cao Lãnh)

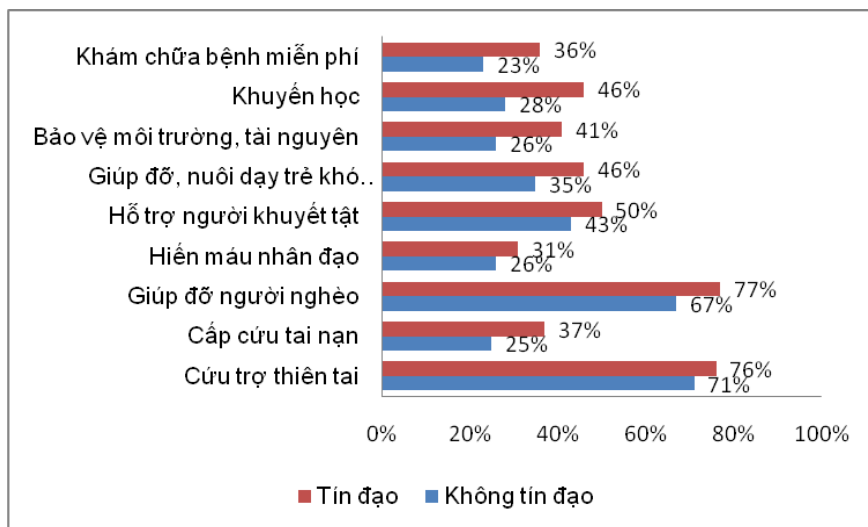
“Có người người ta tốt thật, người ta vẫn hiểu theo cái nghĩa từ xưa đến nay... Ủng hộ là không suy nghĩ, người ta không cần biết! Người ta chỉ biết là người ta làm một việc ấy theo cái thuyết của người ta, người ta theo đạo Phật đấy. Người ta bảo là người ta đang làm tích đức, thì người ta không cần biết, chỉ biết là... xuất phát [của việc] người ta ủng hộ... là cái đức” (Nam, 50 tuổi, Thành phố Nam Định)

Các đoạn trích ở trên cho thấy rằng trong một số trường hợp, chủ thể đảm bảo cho sự tuân thủ chuẩn mực về sự giúp đỡ có đi có lại không phải là một cộng đồng cụ thể mà là niềm tin tôn giáo. Nói cách khác, nhiều người tin rằng chúa, trời phật, thánh thần sẽ đền đáp nếu họ làm việc tốt và trừng phạt nếu họ làm việc xấu. Mức độ tin tưởng có thể khiến cho một số người làm từ thiện mà, như lời của người thợ gò ở Nam Định, “không cần biết” sự khó khăn của đối tượng cần trợ giúp có chính đáng không, hay liệu những người đó có giúp đỡ lại họ trong tương lai hay không. Trên thực tế, 75% số người được

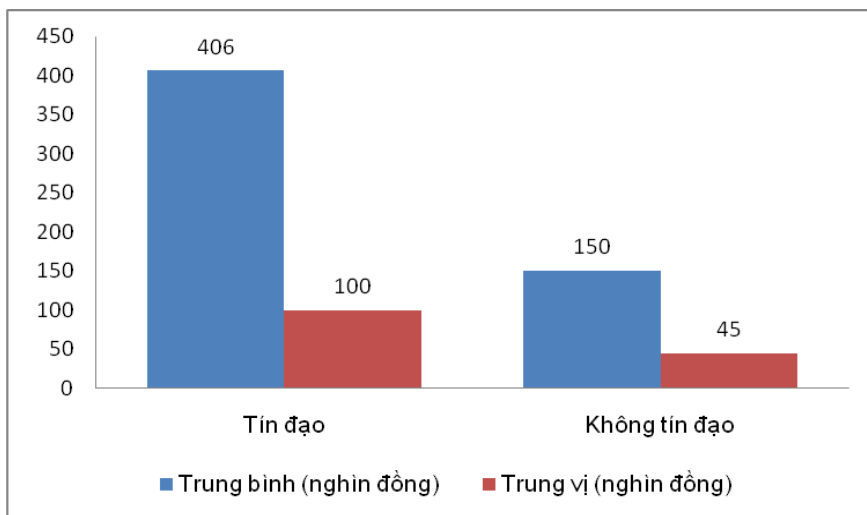
hỏi thường xuyên thờ cúng tổ tiên, lễ bái Phật, hoặc đi nhà thờ Thiên Chúa hay Cao Đài.

Như vậy, niềm tin tôn giáo là động lực để cho người dân làm việc thiện. Kết quả điều tra cho thấy, những người có đạo đóng góp từ thiện cao hơn hẳn những người không tin đạo như được trình bày ở Biểu đồ 7 và 8 dưới đây.

Biểu đồ 7. So sánh mức độ sẵn sàng đóng góp cho các mục đích từ thiện khác nhau của người tín và không tín đạo (% , N=1197)



Biểu đồ 8. So sánh mức độ đóng góp từ thiện trong năm 2012 của người tín đạo và không tín đạo (N=1197)



Như trình bày trong biểu đồ 7 và 8 ở trên, so với những người không tín đạo, những người tín đạo (với ‘tín đạo’ đo bằng mức độ thường xuyên thực hành các nghi lễ chính của tôn giáo hay tín ngưỡng đó) có mức độ sẵn sàng đóng góp từ thiện cao hơn ở tất cả các mục tiêu từ thiện. Trong năm 2012, trung bình mỗi người tín đạo đã đóng góp 406 nghìn đồng cho các mục tiêu từ thiện, với mức đóng góp phổ biến nhất (trung vị) là 100 ngàn đồng/người. Trong khi đó, trung bình một người không tín đạo chỉ đóng 150 nghìn đồng cho các mục tiêu từ thiện, với mức độ phổ biến nhất là 45 nghìn đồng/người (biểu đồ 8).

#### 4.3.4 Quản lý hình ảnh và danh tiếng

Bên cạnh tính chính đáng của sự khó khăn, chuẩn mực về sự giúp đỡ qua lại, niềm tin tôn giáo thì việc quản lý danh tiếng cũng có thể là một yếu tố ảnh hưởng tới việc đóng góp từ

thiện. Thực vậy, một công trình nghiên cứu phân tích trên 500 bài báo khoa học về hành vi từ thiện của người dân ở nhiều quốc gia khác nhau đã kết luận rằng danh tiếng có liên hệ chặt chẽ, thuận chiều với đóng góp từ thiện (19). Danh tiếng ở đây được hiểu là cách người khác đánh giá về mình hoặc gia đình mình. Người ta có thể duy trì hay thay đổi danh tiếng của bản thân và gia đình thông qua việc duy trì hay thay đổi sự tuân thủ các kỳ vọng về đóng góp từ thiện mà xã hội gán cho họ. Như một đặc trưng của lối sống cộng đồng, người Việt Nam coi trọng việc ‘giữ gìn thể diện và các mối quan hệ’ với các thành viên khác trong cộng đồng (18). Nói cách khác, ý kiến của xóm làng, cộng đồng có ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức và hành vi từ thiện của người Việt Nam.

Một kỳ vọng xã hội phổ biến liên quan tới từ thiện là người khá giả nên hào phóng. Nói cách khác, từ thiện là việc mà những người giàu nên làm. Những người có mức sống được coi là ‘khá giả’ thì thường được kỳ vọng đóng góp cao hơn mức trung bình trong cộng đồng. Theo quan điểm của một cán bộ xã nghỉ hưu 61 tuổi ở Hải Hậu, đóng góp từ thiện thường là việc của những người “đi làm ăn xa, có thu nhập lớn”. Cùng chia sẻ quan điểm này, ông Ngô, tổ trưởng một tổ dân phố ở thành phố Huế cho rằng người có mức sống cao “phải biết nghĩ đến người nghèo”. Do vậy, các gia đình khá giả, mà ở nhiều nơi được gọi là các ‘Mạnh Thường Quân’, thường là đối tượng tiếp cận đầu tiên của các chương trình vận động quyên góp. Hơn nữa, đối với các chương trình từ thiện không thuộc dạng thông thường (tức là không phải quỹ thiếu niên nhi đồng, quỹ khuyến học, quỹ cho thương binh liệt sỹ mà gần như ai cũng đóng), thì sự tham gia của các ‘Mạnh Thường Quân’ có vai trò quan trọng để những người đi quyên góp hoàn thành mục tiêu đề ra. Các ý kiến sau đây của một

chủ quán cà phê ở Cao Lãnh, một cán bộ văn hóa phường ở thành phố Nam Định, và một tổ trưởng dân phố ở Thành phố Huế cho thấy điều đó:

“[Khi cần] thì đại diện khóm đi vận động các Mạnh Thường Quân...Thí dụ như cái gạo này...thì mấy cái nhà Mạnh Thường Quân người ta có người ta đóng góp. Có khi là cho trực tiếp...có khi người ta đưa cho phường, thế phường mới đưa cho khóm, khóm lập cái danh sách các hộ nghèo, cận nghèo đưa tới là lãnh, đó như vậy đó, có những cái kết hợp.” (Nam, 49 tuổi, Cao Lãnh)

“Ở đây bọn tôi chủ yếu vận động các Mạnh Thường Quân thôi. Tức là những người có điều kiện. Mình chỉ toàn dựa vào đấy. Còn nếu mình vận động các hộ, thứ nhất mất thời gian, thứ hai không được mấy. Người dân có thể rất nhiệt tình thôi nhưng vì kinh tế của họ eo hẹp. Mang tiếng ở đây buôn bán nhiều, nhưng thực ra họ toàn cho thuê nhà thôi.” (Nam, 49 tuổi, Thành phố Nam Định)

“Như tôi nói vấn đề chất độc da cam thì xin bà con ...tự động thể hiện thôi, không bắt buộc. [Nhưng] ...chúng tôi còn bị tác động bởi phường nữa. Thành thử mình cũng đi quyên góp, kêu gọi những nhà Mạnh Thường Quân có điều kiện, tự động đóng góp.” (Nam, 64 tuổi, Thành phố Huế)

Những người được cho là ‘khá giả’ có những phản ứng khác nhau đối với kỳ vọng của xã hội đối với họ. Nhiều người chọn cách chấp nhận danh hiệu ‘khá giả’ mà cộng đồng xác định cho họ và đóng từ thiện ở mức họ được mong đợi. Theo một nam giới 63 tuổi là chủ một xưởng làm đậu hũ ở Lấp Vò thì



“sống trong cảnh giàu mà không biết cái ước của người nghèo” là điều không nên. Là một hộ gia đình khá giả ở địa phương, gia đình ông đã nhận hỗ trợ tiền ăn, ở, học phí cho một số sinh viên nghèo ở địa phương. Tương tự, một chi hội trưởng Hội người cao tuổi đã 73 tuổi ở một phường thuộc thành phố Huế cho rằng những gia đình “có điều kiện” thì nên đóng góp từ thiện cao hơn những gia đình khác. Ông kể rằng gia đình ông đã luôn đứng đầu về việc đóng góp từ thiện ở khu phố do nhận thấy mình có mức sống cao hơn những người khác. Một phụ nữ 50 tuổi là chủ một xưởng gỗ ở thành phố Cao Lãnh cho rằng do vợ chồng chị “cũng từ nghèo đi lên” cho nên muốn chia sẻ với những người nghèo thông qua việc giúp đỡ bệnh nhân ở bệnh viện thành phố. Giúp đỡ bệnh nhân nan y ở bệnh viện cũng là điều mà một phụ nữ khác, vốn là một nhà buôn gỗ 54 tuổi ở thành phố Huế, đã thực hiện.

Trong nhiều trường hợp việc tham gia đóng góp từ thiện đem lại lợi ích cả về mặt tinh thần, danh tiếng và vật chất cho những người tham gia đóng góp. Trường hợp của người chủ xưởng sản xuất đậu hũ ở Lấp Vò nói trên là một trường hợp điển hình. Giống như có học giả đã nói về việc làm từ thiện như là ‘mua sự tôn kính’ và để ‘trở thành một quý ông’ (20), các hoạt động từ thiện đã làm tăng sự thừa nhận và kính trọng của xã hội đối với ông chủ xưởng đậu. Ông kể rằng ông cảm thấy “rất vinh dự” mỗi khi được chính quyền địa phương “trân trọng” “mời ngồi lên ghế đầu” và được “mời trao quà” cho những người khó khăn. Do ông là người có uy tín trong giới kinh doanh buôn bán ở Lấp Vò, chính quyền địa phương thường mời ông tham gia các hoạt động từ thiện và thông qua ông để vận động những hộ kinh doanh khác. Hơn nữa, nhờ tích cực tham gia hoạt động từ thiện mà ông đã dễ dàng xin chính quyền địa phương cấp cho một mảnh đất ở một vị trí

gần đường liên xã để mở một phòng chế biến thuốc nam. Trong bối cảnh giá đất mặt đường ở Lấp Vò đã tăng từ năm trăm lên tới hơn một triệu một mét vuông trong vài năm trở lại đây, thì việc ông có được mảnh đất đó mà không mất chi phí gì là rất đáng kể.

Hàm ý của câu chuyện trên là việc vận động đóng góp từ thiện sẽ đạt kết quả tốt hơn nếu như người đi quyên góp có gì đó để trao đổi với người đóng góp. Trên thực tế thì các tổ chức hay nhóm vận động từ thiện đã sử dụng các cách thức khác nhau để khuyến khích người dân đóng góp từ thiện. Các cách thức này có thể bao gồm việc cung cấp cho người đóng góp một số lợi ích nào đó, nhưng chủ yếu xoay quanh việc vinh danh họ. Ở xã Hải Đông (Hải Hậu), chính quyền địa phương đã sử dụng hệ thống loa xã vào việc ‘vinh danh’ những người đóng góp từ thiện. Hàng tháng người ta đọc tên những người này cùng với số tiền người ấy đã đóng góp cho một mục tiêu từ thiện nào đó. Việc này vừa góp phần làm cho hoạt động từ thiện trở nên ‘minh bạch’, vừa làm tăng sự thừa nhận, sự khâm phục của cộng đồng đối với những người đóng góp. Ở cấp độ thôn xóm, các giáo họ Thiên Chúa Giáo (tôn giáo chính ở xã Hải Đông) đã đề ra các mức độ vinh danh khác nhau cho các mức đóng góp khác nhau. Anh Bảo, người quản lý một nhà thờ ở Hải Đông, đã thử vận động chúng tôi đóng góp từ thiện cho nhà thờ giáo họ của anh. Theo giải thích của anh, nếu chúng tôi đóng một trăm ngàn thì sẽ không được vinh danh, nhưng sẽ được giáo họ cầu xin Thiên Chúa ban an toàn và may mắn hộ cho (chúng tôi không cần phải có mặt trong buổi lễ đó). Nếu đóng mười triệu, thì chúng tôi sẽ được giáo họ của anh trao bằng ‘ân nhân’ và khi chết giáo họ sẽ cử người đến viếng. Chúng tôi còn được anh giới thiệu cách đóng góp ghé đá để ngòi cho nhà thờ của giáo họ, với

tên của gia đình chúng tôi in lên thành ghế. Ở nhiều nơi, như một cách thực hành phổ biến đã có từ lâu (21), một người đóng góp từ thiện có thể được ghi tên lên một tấm bia dựng ở sân sau của một ngôi chùa hoặc đình làng được xây dựng hay sửa chữa bằng tiền của người đó. Để tiện lợi cho việc ‘tích đức’, người ta cũng có thể trao cho người đóng góp từ thiện một tờ giấy chứng nhận ‘công đức’ hay là ‘phước sớ’ theo cách gọi của người dân từ miền Trung trở vào.

#### *4.3.5 Mức chung của cộng đồng*

Một số người được cho là ‘khá giả’ đã tìm cách từ chối nhãn hiệu này để chỉ phải đóng góp ở một mức thấp hơn, trong khi cố chứng tỏ rằng họ không phải là ‘keo kiệt’. Tần suất vận động quá thường xuyên và thu nhập thấp là các lý do mà những người này thường viện dẫn. Chủ một doanh nghiệp thủy sản, 39 tuổi, ở Củ Chi than phiền rằng đôi khi tần suất vận động từ thiện cao đến nỗi “cái đoàn này vừa ra thì đoàn khác tới, nay đoàn này tới, mai đoàn khác tới”. Các đoàn quyên góp từ thiện này đều nhân danh chính quyền địa phương, hoặc được chính quyền địa phương cho phép tiếp cận các doanh nghiệp. Mô tả về doanh nghiệp của mình như một cơ sở “nhỏ, có vài người” và vừa chịu “thất bại do tôm cá chết”, anh chỉ muốn đóng góp cho một số cơ sở từ thiện nhất định. Tương tự, một nam giới 42 tuổi là chủ một cửa hàng bán thức ăn chăn nuôi ở Hải Hậu cũng mô tả mình như là một người không khá giả vì đang ‘lỡ’. Anh cho rằng ‘lỡ’ thì không thể đóng góp một cách hào phóng được, mà chỉ có thể đóng góp ở mức thấp hơn, “theo phong trào chung”. Cách viện dẫn đến doanh thu thấp như là một lý do để đóng góp từ thiện ở mức thấp cũng được một phụ nữ 30 tuổi, chủ một cửa hàng Internet ở Phú Nhuận (Thành phố Hồ Chí Minh), sử dụng.

Do chỉ những người ‘khá giả’ mới được kỳ vọng đóng góp từ thiện một cách hào phóng, những người có mức sống thuộc diện ‘trung bình’ thường có xu hướng tìm hiểu xem mức đóng góp trung bình của cộng đồng là bao nhiêu để làm theo, theo kiểu ‘người ta sao mình vậy’. Điều này có lẽ tạo ra cho họ cảm giác rằng họ là một thành viên bình thường của cộng đồng khi họ cũng có đóng góp ngang bằng với những hộ dân khác. Theo một nam giới 29 tuổi làm nghề quản lý bến xe ở thành phố Huế, thì “thấy bên này nhà nó đóng ba mươi nghìn thì nhà mình cũng đóng ba mươi nghìn”. Một trưởng ban mặt trận phụ trách công tác từ thiện, 67 tuổi, ở thành phố Nam Định kể rằng ngay cả khi ông đã chủ định bỏ qua, không vận động quyên góp một số gia đình khó khăn, họ vẫn hỏi và yêu cầu được đóng góp. Có lẽ tâm lý muốn duy trì tư cách thành viên bình thường của cộng đồng là yếu tố có thể giải thích hiện tượng này. Chúng tôi còn ghi nhận một trường hợp trong đó sự hào phóng ở những người có mức sống trung bình không được hoan nghênh. Chị Minh, một phụ nữ 45 tuổi ở Hải Hậu kể rằng chị đã bị ‘chồng mắng’ khi đóng góp 500,000 cho một quỹ từ thiện địa phương, trong khi mức trung bình mà những người khác đóng chỉ là 50,000. Trong trường hợp này, chúng tôi cho rằng chồng chị Minh có thể không muốn gia đình chị được cộng đồng xem là gia đình ‘khá giả’, và do vậy tránh được các nghĩa vụ đóng góp trong tương lai, mặc dù chị Minh mới đi lao động ở Đài Loan về và có một chút vốn liếng. Nói cách khác, việc tiếp tục là một hộ có mức sống ‘trung bình’ có thể là ít phiền phức hơn so với việc duy trì danh tiếng của một hộ ‘khá giả’.

## ***4.4 Thách thức và rào cản cho hoạt động đóng góp từ thiện***

### ***4.4.1 Niềm tin vào hiệu quả***

Niềm tin vào hiệu quả của một hoạt động từ thiện nào đó là một trong các yếu tố quan trọng khiến một người quyết định có đóng góp cho hoạt động từ thiện đó hay không (19, 22). Trên thực tế, mối quan hệ giữa lòng tin và sự đóng góp không phải lúc nào cũng đơn giản như vậy do sự chi phối của các yếu tố khác. Niềm tin vào hoạt động từ thiện của các cơ quan nhà nước và việc đóng góp từ thiện cho các hoạt động đó là một ví dụ. Khi được hỏi về các kênh đóng góp từ thiện chính trong năm 2012, đa số người trả lời (60%) cho biết họ đã đóng góp chủ yếu cho các hoạt động từ thiện của các cơ quan, đoàn thể, hay các quỹ thuộc nhà nước. Chỉ khoảng hơn một phần ba trả lời rằng họ đã đóng góp chủ yếu cho các hoạt động từ thiện do các cơ quan tổ chức không thuộc nhà nước tổ chức, hoặc đóng góp trực tiếp cho các cá nhân có hoàn cảnh khó khăn<sup>3</sup>. Mặc dù vậy, dường như sự khác biệt này không xuất phát từ sự tin tưởng hơn vào hoạt động từ thiện của các cơ quan nhà nước, mà từ sự hành chính hóa các hoạt động từ thiện.

Thực vậy, trong khi một số người tham gia phỏng vấn cho rằng hoạt động từ thiện do các cơ quan nhà nước tổ chức là đáng tin cậy và có thể tránh được sự ‘lừa đảo’, nhiều người khác lại tỏ ý nghi ngờ và đặt câu hỏi rằng liệu các cơ quan này có chuyển tiền và hàng từ thiện quyên góp được cho những người đang cần trợ giúp hay không. Có ít nhất hai lý do dẫn tới sự nghi ngờ đó. Như đã được nêu trong một nghiên

---

<sup>3</sup> Một số người trả lời (1%) không thể xác định được đã đóng góp từ thiện cho nhóm nào là chủ yếu. Các cơ quan không thuộc nhà nước ở đây bao gồm các cơ sở tôn giáo, các trường học, bệnh viện, và các tổ chức phi chính phủ.

cứu trước đây (5), lý do thứ nhất liên quan tới thông tin trên các phương tiện truyền thông đại chúng về các bất cập của hoạt động quyên góp hay phân phối tiền và hàng từ thiện. Nhiều người trả lời đã nhắc tới những vụ việc ‘tiêu cực’ liên quan đến các cơ quan hay cán bộ của nhà nước. Ý kiến của một nữ giáo viên tiểu học ở huyện Củ Chi sau đây có thể được coi là tiêu biểu cho các ý kiến cùng nói về nguyên nhân gây mất lòng tin này:

“Nói chung mình xem báo chí ...mình thấy những cái như ủng hộ bão lụt này kia đấy, người dân người ta gặp khổ mà cuối cùng bao nhiêu người người ta đóng góp mà tiền nó vô túi người khác, nó vô túi cán bộ không mà, mà trong khi đó dân đói rách. Nhiều cái mình cũng bức xúc chứ, mình đóng góp thì mình cũng không có tiếc nhưng mà cũng mong nó đến tay những người gặp nạn. Người ta nghèo khổ, mình đóng góp cũng xứng đáng. Chứ mà lọt vô túi cán bộ thì nhiều khi bức xúc chứ. Báo chí cũng đưa tin hoài đấy, tiền của thương binh liệt sĩ mà còn bỏ vô túi được mà!” (Nữ, 35 tuổi, Củ Chi)

Lý do thứ hai liên quan tới sự quan sát hay kinh nghiệm tham gia trực tiếp của người dân vào các hoạt động từ thiện do chính quyền hay các đoàn thể ở địa phương tổ chức. Sống tại một phường thường xuyên có lụt lội ở thành phố Huế, anh Tâm, 46 tuổi, và vợ đã nhiều lần quan sát việc phân phát hàng cứu trợ ở địa phương. Cả hai anh chị (một người làm nghề dịch vụ vận tải và người kia là cán bộ phường) đều nghi ngờ về sự minh bạch và công bằng của sự phân phát đó. Các cán bộ phân phát hàng từ thiện ở đây dường như đã ưu ái hơn cho những người họ quen biết. Hơn nữa, theo anh chị, những

người “có ăn” cũng được chia một phần quà từ thiện giống như những người “đói ăn”. Với chị Yên, một phụ nữ 48 tuổi ở Cầu Giấy (Hà Nội), người đã tham gia nhiều năm vào việc thu tiền từ thiện của các gia đình ở tổ dân phố, thì số tiền từ thiện quyên góp được thường được chuyển lên phường, để phường chuyển lên quận rồi quận chuyển lên thành phố. Theo quan sát của chị, quá trình đó đã làm cho số tiền thu được bị “mất đi bao nhiêu phần trăm” rồi mới đến được tay người dân. Tương tự, một cán bộ văn hóa phường ở thành phố Nam Định, người đang tham gia vào việc vận động từ thiện ở địa phương, đã đề cập tới tình trạng bớt xén và ‘bệnh thành tích’ trong các chương trình vận động từ thiện của nhà nước. Theo anh, các cơ quan tổ chức hoạt động từ thiện của nhà nước thường đặt ra các định mức để có được thành tích quyên góp từ thiện tốt. Tuy nhiên, một phần số tiền từ thiện thu được đã bị bớt lại và không đến được với người cần trợ giúp. Người cán bộ văn hóa phường này còn khẳng định rằng việc bớt xén thường xảy ra ở ‘cấp trên’, như trong đoạn trích sau:

“Thực ra những phong trào vận động lớn đến tay người cần ít... Vì nó được tập hợp từng cấp từng cấp một lên trên, mỗi cấp rơi một tí thôi... Tức là cũng gọi là bệnh thành tích thôi. Ở trên giao 50 triệu, địa phương muốn thu 50 triệu thì phải hô lên 100, sau đó rơi xuống là vừa. Tức là cấp nhỏ thì xác định làm ăn đúng đắn thôi, chủ yếu là cấp trên làm láo nhiều. Cấp dưới có gì đâu mà tham?” (Nam, 49 tuổi, thành phố Nam Định)

#### 4.4.2 Hành chính hóa

Tình trạng thu tiền từ thiện để đạt được ‘định mức’ hay ‘chỉ tiêu trên giao’ là khá phổ biến chứ không chỉ riêng ở thành phố Nam Định. Các ‘định mức’ này biến đổi theo địa phương

và ở mỗi địa phương thì thay đổi theo các đợt quyên góp. Tại một phường ở thành phố Huế, mỗi tổ dân phố trong phường được yêu cầu thu ít nhất năm trăm ngàn đồng cho quỹ hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam<sup>4</sup>. Tại Hải Đông (Hải Hậu, Nam Định), cán bộ phụ trách quyên góp từ thiện của mỗi thôn được ‘trên giao’ phải thu được ít nhất hai triệu cho quỹ hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam và cũng từng ấy cho quỹ dành cho người nghèo<sup>5</sup>. Ở Chương Mỹ (Hà Nội), nếu tổ dân phố có khoảng 200 hộ gia đình, cán bộ vận động quyên góp từ thiện được giao nhiệm vụ thu từ bốn đến sáu triệu đồng, tùy theo đợt quyên góp<sup>6</sup>.

Để đạt được chỉ tiêu quyên góp được giao, các cán bộ quyên góp ở địa phương đã sử dụng các kỹ thuật khác nhau. Phương pháp trừ đi một khoản nhất định từ tiền lương của cán bộ đang công tác hoặc đã hưu trí cho mục đích từ thiện đã được áp dụng khá phổ biến. Cách thu tiền này đã khiến cho nhiều người cảm thấy không ‘thoải mái’ khi cho rằng họ gần như bị buộc phải làm từ thiện. Một cách thường được sử dụng khác là tiếp cận các hộ khá giả, thường là các hộ kinh doanh ở địa phương, để vận động quyên góp. Đôi khi, cán bộ quyên góp đã định ra các mức đóng góp khác nhau dựa trên quy mô kinh doanh của từng hộ, theo một phụ nữ 43 tuổi là chủ cửa hàng tạp hóa ở Lấp Vò. Để tăng khả năng vận động thành công, khi tới các hộ gia đình được xem là khá giả, cán bộ địa phương thường đi thành đoàn bao gồm nhiều thành viên uy tín trong cộng đồng, các cựu chiến binh có nhiều công lao, hay đại diện các đoàn thể ở địa phương thuộc ‘hệ thống chính trị’, như lời

---

<sup>4</sup> Theo phỏng vấn một tổ trưởng dân phố, phường An Cựu, thành phố Huế

<sup>5</sup> Theo phỏng vấn cán bộ quyên góp từ thiện của một thôn ở Hải Đông, Hải Hậu

<sup>6</sup> Theo phỏng vấn một cán bộ nữ quyên góp từ thiện, 67 tuổi, thị trấn Chương Mỹ, Hà Nội



kể của một phụ nữ 56 tuổi ở Chương Mỹ (Hà Nội). Tại Hải Đông (Hải Hậu, Nam Định), nơi đa số dân là người Công giáo, việc huy động các đoàn thể chính trị xã hội tham gia các đoàn quyên góp đã khiến cho những hộ gia đình được đánh giá là ‘khó’ vận động cũng ‘chấp hành tốt’:

“Vận động thì chúng tôi thì chỗ nào khó quá thì chúng tôi lại phải đưa thanh niên, phụ nữ, nông dân đi cùng, còn những chỗ nào nó không quan trọng thì mình chỉ đến một mình họ vẫn sẵn sàng ủng hộ. Còn tất nhiên là đến thì trước hết là họ cũng nói là họ khó khăn đấy nhưng thực tế thì cuối cùng họ nghe ra thì họ cũng ủng hộ nhiệt tình luôn đấy. Cho nên là nói ngay trong những cái xóm này cũng có hộ họ rất khó khăn, họ cũng nói nhiều, nhưng cuối cùng khi vào vận động người ta tốt thì người ta không có vấn đề gì cả, họ đều chấp hành tốt hết!” (Nam, 54 tuổi, Hải Hậu)

Tại sao nhiều người nghi ngờ hiệu quả của các hoạt động từ thiện do nhà nước tổ chức nhưng đa số vẫn đóng góp từ thiện qua kênh này? Sự hành chính hóa các hoạt động từ thiện có thể được xem là nguyên nhân chính của hiện tượng đó. Đây là một quá trình qua đó sự đóng góp từ thiện, vốn mang ý nghĩa là một lựa chọn tự nguyện của người dân, bị chuyển đổi thành một nghĩa vụ bắt buộc hoặc gần như bắt buộc mà người dân phải tuân thủ. Việc thu tiền theo ‘định mức’ như kể trên chính là một biểu hiện của hiện tượng này. Trên thực tế, việc vận động người dân đóng góp từ thiện cho các mục tiêu từ thiện khác nhau từ lâu đã trở thành một công việc định kỳ của các cán bộ từ cấp thôn, tổ dân phố trở lên. Nhiều cán bộ địa phương và người dân đã đồng nhất việc đóng góp cho các hoạt động từ thiện do nhà nước tổ chức với sự ‘chấp hành’

các chính sách của Đảng và Nhà nước. Khi một người chấp nhận đóng góp từ thiện, anh hoặc chị ta có thể được cán bộ địa phương đánh giá là đã ‘chấp hành tốt’ chính sách của Đảng và Nhà nước, như có thể thấy ở đoạn trích kể trên. Do không muốn bị coi là ‘không chấp hành’ hoặc ‘chống đối’, nhiều người đã đóng góp cho các hoạt động từ thiện của nhà nước mặc dù còn có nghi ngờ về hiệu quả của chúng:

“Tại vì là cái này là ... nhà nước đề ra, giao cho quận, quận giao cho phường, phường sẽ giao về các cụm dân cư, cái đó chúng tôi hoàn toàn chấp hành hết, mặc dù có vấn vương nhưng cũng vẫn làm, sau đó mình phản ảnh sau, đây chứ còn không bao giờ có cái tư tưởng là chống đối lại hay là không làm.” (Nữ, 65 tuổi, Cầu Giấy)

“Thực ra thì đối với đồng bào lũ lụt thì tốt hơn. Nhưng mà đối với người nghèo ấy thì đa số là dân người ta nói. Người ta bảo ...có nghèo thật không và tiền đó có đến tay người nghèo không, ...người nghèo được bao nhiêu?... Cái quỹ Đền ơn đáp nghĩa cũng thế...Người ta bảo là cái này là nhà nước đã quan tâm nhiều rồi tại sao lại cứ bắt người dân phải đóng góp? Mà nhà nước thì cũng là dân thôi, đúng không? Tiền thuế ...đóng cho chế độ chính sách, thì sao lại cứ bắt chúng tôi lại phải đóng như thế này? Vì dân cũng đã phải đóng qua cái nọ cái kia rồi thì đáng lẽ không vận động cái này nữa mới là phải...Họ nói thế cũng phải thôi nhưng mà chủ trương của Đảng, nhà nước đưa ra thì vẫn phải chấp hành chứ chả lẽ lại bảo không chấp hành thì cũng không được! Nhà nước bảo không thì thôi chứ còn nhà nước bảo thực hiện thì làm sao mà không thực hiện

được, đây cho nên là cũng rất là khó.” (Nữ, 67 tuổi, Chương Mỹ)

Sự nghi ngờ về hiệu quả của các hoạt động từ thiện do nhà nước tổ chức đã dẫn đến các phản ứng khác nhau, bao gồm từ chối không đóng, tìm cách để giám sát hoạt động từ thiện, hoặc trực tiếp tổ chức việc quyên góp và đưa tiền và hàng từ thiện đến tận tay người cần giúp đỡ. Theo chị Thủy, 53 tuổi, ở Hương Thủy (Huế), một số người đã từ chối đóng góp cho ‘Quỹ Tình thương’ mặc dù chị đã vận động nhiều lần và đây là một loại quỹ ‘bắt buộc’ phải đóng hàng năm. Để đảm bảo ‘chỉ tiêu’, chị đã phải lấy tiền ở một quỹ khác bù vào. Tại thành phố Huế, bác Hà, 61 tuổi, kể rằng nhiều khi người dân đã kiểm tra việc quyên góp và phân phối quà từ thiện mà bác đang phụ trách để đảm bảo rằng chỉ các hộ khó khăn thật sự mới được nhận trợ giúp. Là cán bộ quyên góp từ thiện ở Chương Mỹ, bác Ngân, 67 tuổi, đôi khi phải nghe những câu ‘khó nghe’ từ phía người dân, đặc biệt là những người cho rằng họ đã đóng góp từ thiện ở cơ quan hay nơi khác rồi nhưng vẫn tiếp tục bị cán bộ tổ dân phố yêu cầu đóng góp.

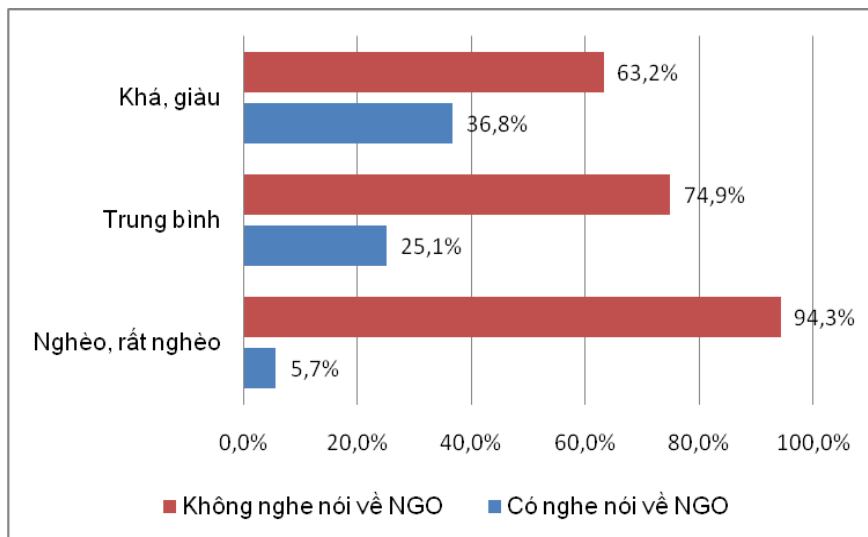
Việc người dân tự tổ chức hoạt động quyên góp, thường là trong nhóm gia đình và bạn bè, và trực tiếp mang tiền và hàng từ thiện đến tay những người cần trợ giúp là khá phổ biến. Theo như lời một thanh niên nam, 24 tuổi, ở Cầu Giấy (Hà Nội), thì việc trực tiếp trao tặng giúp anh biết rõ ràng món quà mà anh đã phải ‘đổ mồ hôi’ để chuẩn bị đã được đưa đến tay người cần giúp đỡ. Tuy nhiên, như một phần của quá trình hành chính hóa các hoạt động từ thiện, các chính quyền địa phương có thể yêu cầu các cá nhân khởi xướng việc quyên góp từ thiện ‘xin phép’ làm việc đó. Kinh nghiệm hoạt động từ thiện của một số cá nhân ở Hải Đông (Hải Hậu) có thể

được coi là một ví dụ cho tình trạng này. Tại đây, việc quyền góp từ thiện không do các cơ quan nhà nước tổ chức chỉ có thể được tiến hành sau khi có sự ‘cho phép’ của chính quyền địa phương và không phải lúc nào việc xin phép cũng thành công. Khi các cá nhân muốn phân phát tiền hoặc hàng từ thiện, chính quyền xã sẽ ‘vào cuộc’ để ‘tư vấn’, theo lời một trưởng thôn ở đây. Cụ thể, các cán bộ thôn sẽ được yêu cầu lập một danh sách những hộ cần trợ giúp để cung cấp cho những người đi tài trợ. Không có sự chỉ đạo của chính quyền xã, thì cán bộ thôn ‘cũng không nhận’.

#### ***4.5 Sự sẵn sàng đóng góp cho các tổ chức phi chính phủ***

Sự sẵn sàng đóng góp cho các hoạt động từ thiện của các tổ chức phi chính phủ trong nước của người dân phụ thuộc phần lớn vào việc họ nhận thức như thế nào về các tổ chức này. Thông tin thu được từ 1197 bảng hỏi định lượng cho thấy chỉ có 25% số người được hỏi đã từng nghe nói về các tổ chức phi chính phủ nói chung, chủ yếu thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như vô tuyến truyền hình, đài phát thanh, báo chí. Tuy nhiên, có một sự khác nhau giữa người có mức sống cao và mức sống thấp như được thể hiện ở biểu đồ 9 dưới đây.

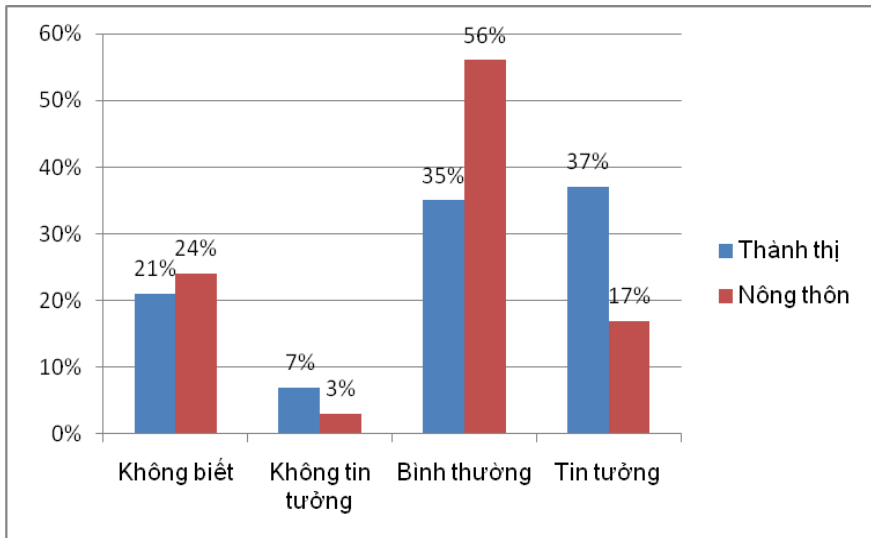
Biểu đồ 9: Người có mức sống cao hơn có tỉ lệ biết về NGO cao hơn



Trong số những người nghe nói về các tổ chức phi chính phủ có 87% cho rằng hoạt động từ thiện của các tổ chức phi chính phủ nói chung là cần thiết hoặc có ích. Tuy nhiên, chỉ có 27% số này sẵn sàng đóng góp cho các hoạt động này. Nói cách khác, cứ trong một trăm người được hỏi, chỉ có khoảng sáu người sẵn sàng đóng góp cho các hoạt động từ thiện của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam. Chín mươi tư người còn lại hoặc là không biết tổ chức phi chính phủ là gì, hoặc là không sẵn sàng đóng góp cho các tổ chức này.

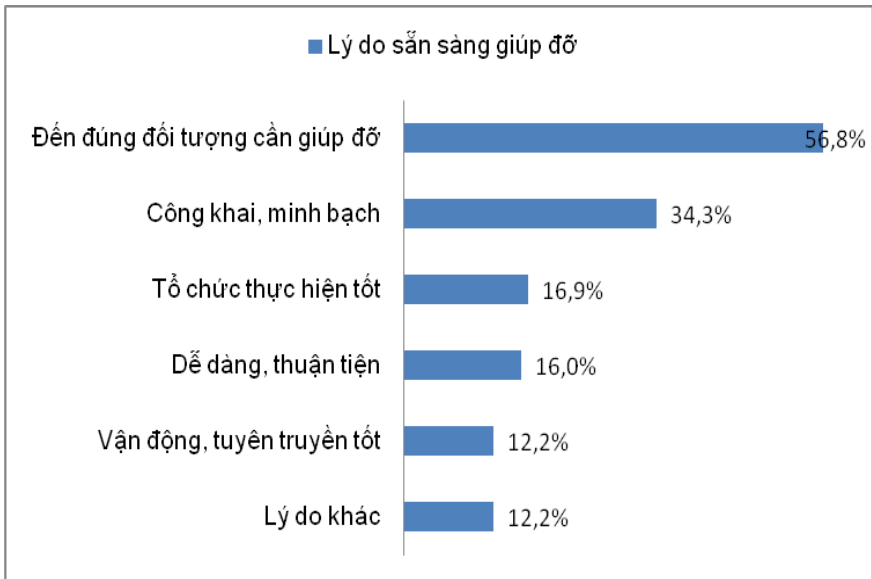
Theo kết quả khảo sát, trong số những người biết về các tổ chức phi chính phủ, người thành thị có sự tin tưởng cao hơn so với người sống ở nông thôn.

Biểu đồ 10: Sự tin tưởng vào hoạt động của các tổ chức phi chính phủ



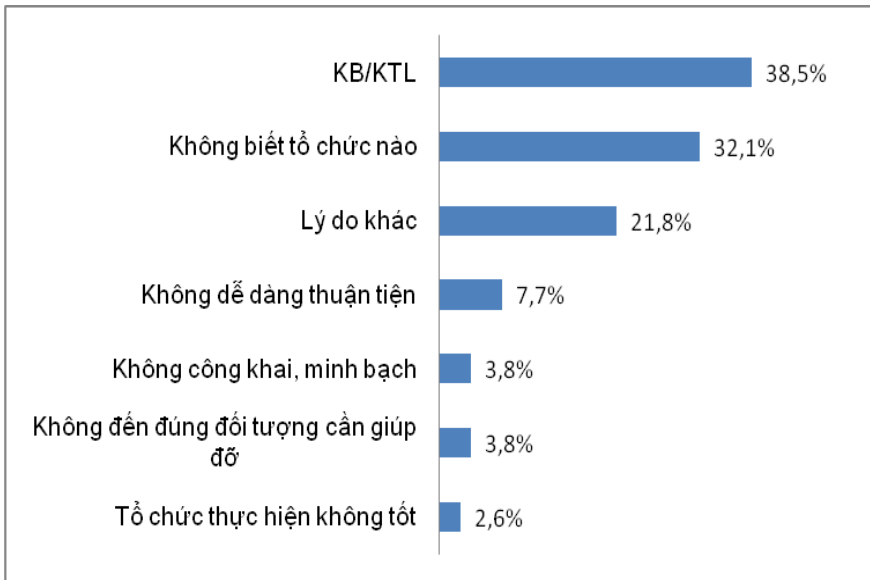
Trong số những người sẵn sàng đóng góp từ thiện cho các tổ chức phi chính phủ, họ thường dựa vào hiệu quả của các tổ chức phi chính phủ, đặc biệt là việc giúp đỡ đúng đối tượng cần hỗ trợ và cách làm công khai minh bạch. Chi tiết cụ thể được trình bày ở biểu đồ 11 dưới đây.

Biểu đồ 11: Lý do sẵn sàng đóng góp từ thiện cho các tổ chức phi chính phủ



Với những người không sẵn sàng đóng góp cho các tổ chức phi chính phủ, lý do lớn nhất họ đưa ra là “không biết tổ chức nào”. Tuy nhiên, hơn một phần ba người dân (38%) không trả lời lý do, và 22% nêu “lý do khác”. Dường như, trong số những người không sẵn sàng đóng góp cho các tổ chức phi chính phủ có một sự e ngại nhất định với những tổ chức này, mà trong phần phỏng vấn sâu có bộc lộ rất rõ và được trình bày cụ thể dưới đây.

Biểu đồ 12: Lý do không sẵn sàng đóng góp từ thiện qua các tổ chức phi chính phủ



Trong phỏng vấn sâu, ngoài việc thiếu thông tin về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, cũng như sự “bao sân” của chính quyền địa phương trong công tác vận động từ thiện, có một số lý do quan trọng ngăn cản người dân ủng hộ các tổ chức phi chính phủ như được tổng hợp dưới đây.

#### 4.5.1 *Coi các tổ chức phi chính phủ là các tổ chức nước ngoài*

Thông tin từ các cuộc phỏng vấn sâu cho thấy sự không sẵn sàng đóng góp cho các tổ chức phi chính phủ vì người dân tin họ là các tổ chức nước ngoài đến Việt Nam để giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, hoặc để thực hiện những ý định chính trị đáng ngờ. Trong cả hai cách nhìn này, việc đóng góp cho các tổ chức phi chính phủ đều được cho là không cần thiết. Tại Lấp Vò (Đồng Tháp), nhiều người nhắc tới các hoạt



động nhằm giúp đỡ trẻ em của một tổ chức phi chính phủ của Anh. Tại Hải Đông (Nam Định), người dân thường đề cập tới việc một tổ chức phi chính phủ của Đan Mạch hỗ trợ họ sửa chữa nhà cửa bị hư hỏng do các trận bão. Các ý kiến sau đây của hai nam giới ở Nam Định là tiêu biểu cho cách nhìn này về các tổ chức phi chính phủ:

“Tôi làm cho Chử thập đỏ của tỉnh. Có rất nhiều các tổ chức phi chính phủ tôi đều biết hết. Có cái mình không học tiếng Anh nên mình không biết được... Họ xuống họ tài trợ. Gần đây nhất là họ trao chân tay giả cho đối tượng khuyết tật. Họ trao xe lăn, trao chăn màn... nhiều lắm.” (Nam, 49 tuổi, Thành phố Nam Định)

“Có thể quan điểm của chúng tôi hơi bị sai, hơi bị nặng nề... [nhưng] ai đứng đằng sau các ông các bà ấy? Tiền đâu để các ông các bà đứng ra làm những việc ấy? Vì chúng tôi đã từng kinh qua các cuộc kháng chiến, chúng tôi cứ hỏi ai đứng đằng sau ông để ông có tiền từ thiện? Địa phương phải cảnh giác để hướng dẫn nhân dân.” (Nam, 68 tuổi, TP Nam Định)

Như phân tích ở các phần trước, quan niệm về tính chính đáng của sự khó khăn, chuẩn mực về sự trợ giúp qua lại, quan niệm về danh tiếng và sự hành chính hóa các hoạt động từ thiện là các yếu tố quan trọng có ảnh hưởng tới việc đóng góp từ thiện của đa số người trả lời. Việc đóng góp từ thiện không chỉ là hành vi thể hiện lòng tốt với những người có hoàn cảnh khó khăn mà còn là một phần của lối sống trong đó các cá nhân kiểm soát các hành vi lệch chuẩn của người khác, tương trợ lẫn nhau để đối phó với các rủi ro trong hiện tại hoặc tương lai, thể hiện đẳng cấp xã hội, và thể hiện thái độ với các chính sách của nhà nước. Do tất cả các nguyên nhân đó,

người ta thường đóng góp từ thiện cho những người gặp khó khăn bên trong cộng đồng của mình. Việc các tổ chức phi chính phủ nói chung được xem là các tổ chức nước ngoài có thể là một điều không thuận lợi cho hoạt động quyên góp từ thiện có thể có của các tổ chức này. Sự không thuận lợi đó không chỉ bắt nguồn từ cách hiểu phổ biến rằng các tổ chức nước ngoài đến để ‘cho’ chứ không phải đến để ‘xin’, mà còn có liên quan tới các yếu tố ảnh hưởng đến việc đóng góp từ thiện nói chung như đã bàn ở phần trên.

#### *4.5.2 Các tổ chức phi chính phủ không mang lại lợi ích gì cho người đóng góp từ thiện*

Thật vậy, do sự hành chính hóa các hoạt động từ thiện, với nhiều người dân, việc đóng góp từ thiện cho các cơ quan nhà nước là để chứng tỏ sự ‘chấp hành’ của họ đối với chính quyền địa phương. Đối với những người nghi ngờ tính minh bạch hoặc hiệu quả của các hoạt động từ thiện do các cơ quan nhà nước tổ chức, cách đối phó chủ yếu là từ chối không đóng, chỉ đóng một số tiền nhỏ có ý nghĩa tượng trưng, hoặc tự tổ chức các hoạt động từ thiện để trực tiếp giúp đỡ những người khó khăn. Việc đóng góp từ thiện cho các tổ chức phi chính phủ vừa không giúp người đóng góp thể hiện thái độ ‘chấp hành’ hay không ‘chấp hành’ đối với các hoạt động quyên góp từ thiện của chính quyền địa phương, vừa không làm giảm sự nghi ngờ của họ về hiệu quả của các hoạt động từ thiện nói chung. Các đoạn trích sau đây cho thấy điều này:

“Nói chung về cái phi chính phủ thì cô cũng chả [quan tâm]. Mình sống trong địa phương thế này mình cũng chấp hành mọi chính sách, ví dụ như chính sách [từ thiện] trên phường mình chấp hành đầy đủ cái thu. Chứ còn...” (Nữ, 58 tuổi, Cầu Giấy)

“[Tổ chức phi chính phủ] phải qua địa phương, không thì họ bảo chả biết anh ở đâu đến ủng hộ có đến tay người cần không, cho nên là vẫn phải qua địa phương, nó phải thế chứ không phải tự được... Qua chính quyền địa phương, qua các ban ngành đoàn thể thì người ta mới ủng hộ nó mới có kết quả. Không thì người ta không biết là ai, dân người ta không tin. Họ tin người ở địa phương là chính chứ không tin người nơi khác!” (Nữ, 67 tuổi, Chương Mỹ)

“Hầu như là cái cộng đồng sống của người xung quanh đây trong phường xã thì chị thấy là khi mà giúp đỡ nhau [thì] chỉ có cái người mà họ biết đấy thì họ sẵn sàng là giúp đỡ. Nhưng mà ví dụ mà quyên góp những cái nơi nào mà người ta không biết đến đó mà đi quyên góp thì cũng không có cái sự tin tưởng... Ví dụ là cái gia cảnh đấy thì ... cái tiền quyên góp thì có tới được người đó không? Thành ra là chắc chắn là không ai có cái lòng tin để mà tin để mà đóng góp vô cái quỹ mà đi quyên góp đấy.” (Nữ, 32 tuổi, Huế)

Ngoài các yếu tố về sự ‘chấp hành’ và niềm tin về hiệu quả của các hoạt động từ thiện, các đoạn trích trên còn cho thấy việc đóng góp từ thiện cho các tổ chức bên ngoài là không phù hợp với tâm lý ưa thích việc đóng góp cho những người gặp khó khăn ở bên trong cộng đồng. Như đã phân tích ở phần trên, cách thực hành văn hóa này giúp cho người đóng góp từ thiện xây dựng được một mối quan hệ tương trợ có đi có lại với những người khác sinh sống trên cùng địa bàn, đồng thời quản lý danh tiếng của bản thân. Theo ý nghĩa này, mặc dầu được chính quyền địa phương cho phép, các hoạt động quyên góp từ thiện của các tổ chức phi chính phủ có thể

sẽ ít có hiệu quả nếu như tâm lý ưa thích đóng góp cho những người bên trong cộng đồng không được tính tới.

#### 4.5.3 Sự nghi ngờ với các tổ chức phi chính phủ

Trở ngại lớn nhất đối với các tổ chức phi chính phủ Việt Nam trên phương diện xây dựng và triển khai các kế hoạch quyên góp từ thiện từ các nguồn trong nước có lẽ là sự nghi ngờ của nhiều người dân đối với động cơ hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nói chung ở Việt Nam. Cụ thể hơn, các hoạt động từ thiện do các tổ chức phi chính phủ thực hiện thường được cho là có ‘ý đồ’ hay ‘âm mưu’ nào đấy nhằm chống lại chính quyền. Hệ quả là, nhiều người dân cho rằng cần phải ‘cảnh giác’ với các tổ chức này. Các đoạn trích sau đây cho thấy rõ điều này:

“Tổ chức phi chính phủ ấy,..tức là những người nước ngoài, ... nhưng họ có đóng góp này kia, thì mình thấy những đóng góp của họ mình rất cảm phục và hân hoan đón tiếp, chào mừng chứ không từ chối. Vì mình thấy hảo tâm và hướng thiện là tuyệt vời. Nhưng hướng thiện với mục đích là đến được với người nghèo, khuyết tật, những tầng lớp gian khổ. [Còn hướng thiện] nhưng với những ý đồ lợi dụng quần chúng để lật đổ Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh lập ra là mình không đồng ý.” (Nam, 74 tuổi, Huế)

“Họ chống phá nhà nước, rồi đủ thứ nữa, biết bao nhiêu người sinh ra ở Việt Nam rồi đi theo tuyên truyền đủ thứ, nhiều khi nghe báo chí mình cũng nói, bị cám dỗ nước ngoài.” (Nam, 64 tuổi, Huế)

“Phi chính phủ thì theo mình hiểu cái tổ chức đấy chuyên làm hại cho Đảng phải không? Nói chung là

bán nước! Nó tìm cách nào đấy nó bán nước một cách nhanh nhất để nó kiếm lợi nhuận.” (Nữ, 34 tuổi, Chương Mỹ)

Có thể quan điểm của chúng tôi hơi bị sai, hơi bị nặng nề...[nhưng] ai đứng đằng sau các ông các bà ấy? Tiền đâu để các ông các bà đứng ra làm những việc ấy? Vì chúng tôi đã từng kinh qua các cuộc kháng chiến, chúng tôi cứ hỏi ai đứng đằng sau ông để ông có tiền từ thiện? Địa phương phải cảnh giác để hướng dẫn nhân dân.” (Nam, 68 tuổi, TP Nam Định)

Việc nhiều người dân có quan niệm tiêu cực về các tổ chức phi chính phủ nói chung ở Việt Nam có thể có nhiều lý do. Theo một số học giả (23, 24), trong lịch sử hình thành và phát triển của mình, đặc biệt là trong giai đoạn từ 1954 đến 1975 ở miền Nam Việt Nam, các tổ chức phi chính phủ Việt Nam đã vô tình trở thành một ‘bộ phận ảo’ của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa khi họ tham gia vào chương trình ‘cách mạng xã hội’ do tổng thống Mỹ Johnson đề ra nhằm ‘đánh bại bệnh tật và đói nghèo’ ở Việt Nam Cộng Hòa và cải thiện hình ảnh của nước Mỹ trong nhận thức của người dân miền Nam Việt Nam. Trong khuôn khổ của chương trình này, hơn 50% số hàng viện trợ từ Mỹ đã được chuyển qua các tổ chức phi chính phủ để đưa đến tay người có hoàn cảnh khó khăn. Chính vì vậy, động cơ của các tổ chức phi chính phủ bị đặt câu hỏi, thực sự vì nhân đạo hay vì động cơ chính trị của nhà tài trợ của họ.

Hiện nay, việc truyền thông chính thống ít đề cập đến các tổ chức phi chính phủ cũng là một khoảng không lớn khiến hiểu biết của người dân về các tổ chức phi chính phủ hạn chế và sai lệch. Bên cạnh đó, có những phân tích một chiều và không

đầy đủ, đặc biệt khi xem các tổ chức phi chính phủ là tác nhân quan trọng trong các cuộc cách mạng màu ở Đông Âu và Ả rập. Tác giả Võ Thu Phương viết trên Tạp chí cộng sản, số 109, 2006: “Mỹ và phương Tây thông qua các tổ chức quốc tế, các loại quỹ quốc tế, và một số tổ chức phi chính phủ để chuyển tiền viện trợ cho phe đối lập, tạo điều kiện vật chất cho các hoạt động chống đối...”. Tác giả Dương Văn Cừ, trong bài viết “Xã hội dân sự - một thủ đoạn của diễn biến hòa bình” trên báo Nhân Dân ngày 31 tháng 8 năm 2012, nhận định rằng “các nước, các tổ chức quốc tế, các NGO nước ngoài đang tìm mọi cách để hình thành, phát triểnXHDS theo tiêu chí phương Tây ở Việt Nam, qua đó thực hiện mục tiêu lật đổ chế độ XHCN bằng biện pháp "bất bạo động", "phi vũ trang". Hoạt động này nằm trong ý đồ thực hiện "tiến trình dân chủ ở Việt Nam" với mục đích lợi dụng XHDS để gây mất ổn định chính trị, tiến tới thay đổi chế độ như xảy ra tại các nước Đông Âu, SNG và Trung Đông - Bắc Phi thời gian qua”.

Như vậy, bên cạnh việc người dân không coi các tổ chức phi chính phủ là một kênh đóng góp thỏa mãn các nhu cầu làm từ thiện của mình, việc chính quyền địa phương hành chính hóa công tác làm từ thiện mà thực chất là “bao sân”, “giữ cửa” khiến cho các nhóm đối tượng khác như cá nhân và các tổ chức phi chính phủ rất khó tiếp cận người dân, thì sự nghi ngờ về động cơ “diễn biến hòa bình”, “lật đổ” đã tăng thêm khó khăn cho các tổ chức phi chính phủ vận động người dân đóng góp từ thiện cho mình.

## 5. Kết luận và khuyến nghị

Các tổ chức phi chính phủ Việt Nam đang ở trong một giai đoạn chuyển đổi quan trọng. Thực vậy, ngày càng có nhiều tổ chức phi chính phủ Việt Nam mong muốn tìm kiếm các nguồn tài trợ mới, nhất là ở trong nước, thay vì chỉ phụ thuộc vào những nguồn tài trợ từ nước ngoài vốn đang ngày càng ít dần đi kể từ khi Việt Nam trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình. Tuy nhiên, thực trạng nhận thức, thái độ của người dân đối với các hoạt động từ thiện nói chung và hoạt động từ thiện của các tổ chức phi chính phủ trong nước nói riêng còn chưa được hiểu rõ do có quá ít nghiên cứu về chủ đề này. Hạn chế đó sẽ gây ra khó khăn cho việc lập kế hoạch và triển khai các hoạt động từ thiện của các tổ chức này. Áp dụng cả phương pháp định tính và định lượng, nghiên cứu này được thiết kế để trả lời hai câu hỏi. Thứ nhất, người dân có nhận thức như thế nào về các hoạt động từ thiện nói chung, và, thực trạng đóng góp từ thiện của họ hiện nay ra sao. Thứ hai, người dân có nhận thức như thế nào về các tổ chức phi chính phủ Việt Nam và các hoạt động từ thiện của chúng, và, liệu họ có sẵn sàng đóng góp từ thiện cho các tổ chức này hay không. Chúng tôi đã thực hiện 105 phỏng vấn sâu và 1197 phỏng vấn bằng bảng hỏi tại sáu tỉnh và thành phố (Hà Nội, Nam Định, Huế, Daklak, Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Tháp) để trả lời cho hai câu hỏi trên.

Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số người dân Việt Nam thường xuyên đóng góp từ thiện. Trong năm 2012, trung bình mỗi người trong mẫu khảo sát đã đóng góp 342,000 đồng cho các mục tiêu từ thiện khác nhau, và mức đóng góp phổ biến nhất là 100,000 đồng. Từ thiện thường được người dân hiểu

theo nghĩa cứu trợ nhân đạo. Do vậy, đóng góp của người dân thường tập trung vào việc giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, chứ không tập trung vào việc giải quyết những nguyên nhân gây ra các bất bình đẳng xã hội. Đến lượt nó, hành vi đóng góp từ thiện cho người có hoàn cảnh khó khăn chịu ảnh hưởng bởi các quan niệm phổ biến về tính ‘chính đáng’ của sự khó khăn, chuẩn mực về sự giúp đỡ qua lại, các nỗ lực nhằm tạo dựng và duy trì danh tiếng cá nhân, hay niềm tin vào hiệu quả của các hoạt động từ thiện. Cụ thể, quan niệm về tính chính đáng của sự khó khăn khiến cho người ta có xu hướng giúp đỡ những người gặp phải khó khăn vì các lý do ‘chính đáng’ như là bị tàn tật hoặc thiên tai. Trong khi đó, chuẩn mực về sự giúp đỡ qua lại khiến cho người ta có xu hướng giúp đỡ những người có khó khăn trong cộng đồng hơn là những người ngoài, với hy vọng rằng một ngày nào đó khi gặp khó khăn họ sẽ được giúp đỡ lại.

Nhìn chung, đa số người được hỏi không biết về các tổ chức phi chính phủ nói chung, tổ chức phi chính phủ Việt Nam nói riêng. Trong một số ít những người biết về các tổ chức phi chính phủ, quan niệm cho rằng các tổ chức này là các tổ chức nước ngoài có chức năng phân phát chứ không phải quyên góp từ thiện, hoặc là các tổ chức có các mục tiêu chính trị không có lợi cho đất nước, là khá phổ biến. Cùng với những nguyên nhân thuộc về văn hóa kể trên, những cách hiểu này về các tổ chức phi chính phủ có thể là những thách thức đáng kể đối với bất kỳ hoạt động quyên góp từ thiện nào của các tổ chức phi chính phủ nói chung và tổ chức phi chính phủ của Việt Nam nói riêng. Các chính sách chưa rõ ràng hiện nay của nhà nước đối với hoạt động quyên góp của các tổ chức phi chính phủ có thể làm cho việc đối phó với những thách thức này trở nên khó khăn hơn .



Thông qua các phát hiện của nghiên cứu, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị như sau.

*Thứ nhất*, các hoạt động quyên góp từ thiện trong tương lai của các cơ quan thuộc nhà nước hoặc phi chính phủ cần phải tính tới các quan niệm phổ biến của người dân liên quan tới hoạt động từ thiện, như là tính ‘chính đáng’ của sự khó khăn, chuẩn mực về sự giúp đỡ qua lại, các quan niệm về danh tiếng, cũng như là niềm tin đối với hiệu quả của hoạt động từ thiện. Cụ thể hơn, cần làm cụ thể hóa các gương mặt cần có sự giúp đỡ để tăng thêm sự gần gũi, tin tưởng của người dân. Việc thông báo kết quả sử dụng tiền hỗ trợ của họ cũng là cách để tăng thêm sự thuyết phục cũng như duy trì niềm tin vào hoạt động từ thiện.

*Thứ hai*, cần dần dần gỡ bỏ việc “hành chính hóa” trong huy động nguồn lực cho công tác từ thiện. Việc này không những tránh được việc làm xói mòn các giá trị đạo đức tốt đẹp của cộng đồng, sự tự nguyện của cá nhân, mà còn mở đường cho các thành phần xã hội khác tham gia vào công tác từ thiện. Về lâu dài, nó sẽ giúp cho các tổ chức tham gia vào hoạt động từ thiện phải minh bạch hơn, hiệu quả hơn, và trở thành chất gắn kết cộng đồng tốt hơn.

*Thứ ba*, nhà nước nên ra một khung pháp lý rõ ràng, đơn giản, khuyến khích các tổ chức nhà nước và ngoài nhà nước tham gia vào huy động nguồn lực xã hội cho công tác từ thiện. Việc này cần thiết vì sẽ giúp giải quyết các nhu cầu thiết yếu của cộng đồng trong việc hỗ trợ người nghèo, người thiệt thòi, hoặc người chịu hậu quả thiên tai. Hơn nữa, khi có nguồn lực trong nước thì nhà nước cũng không phải lo lắng “diễn biến hòa bình” do các tổ chức nước ngoài thao túng nhằm lật đổ chính quyền như một số người suy diễn, lo lắng.

*Thứ tư*, các tổ chức phi chính phủ cần chủ động gỡ bỏ các bất lợi so với các tổ chức nhà nước và đoàn thể trong việc tiếp cận và huy động nguồn lực từ người dân. Các bất lợi này chủ yếu do người dân thiếu thông tin chính xác về mảng phi lợi nhuận, những hiểu lầm tiêu cực về “cách mạng màu” và sự “bên ngoài” của các tổ chức phi chính phủ. Chính vì vậy, việc chủ động truyền thông, vận động xã hội thay đổi cách nghĩ là cần thiết.

*Thứ năm*, tuy khó khăn và bất lợi nhưng các tổ chức phi chính phủ có thể tập trung vào nhóm thành thị và nhóm có thu nhập cao để gây quỹ vì họ có kiến thức và thái độ tích cực hơn về xã hội dân sự, và từ thiện của các tổ chức phi chính phủ. Việc sử dụng Internet, truyền thông xã hội, công nghệ để tiếp cận nhóm đối tượng này nên được ưu tiên trong thời gian đầu.

## Tài liệu tham khảo

1. Ủy ban Quốc gia phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm. Báo cáo tiến độ phòng, chống AIDS Việt Nam năm 2012. Hà Nội: Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm, 2012.
2. Thúy Nga. Nguồn viện trợ phòng, chống HIV/AIDS dần rút khỏi Việt Nam. Infonet. 2012.
3. Center for Community Development. Philanthropic attitudes & sentiments in Vietnam today. Ho Chi Minh City: LIN - Center for Community Development, 2012.
4. Center for Community Development. Memorandum: Fundraising activities by Not-for-profit organisations under Vietnamese law. Ho Chi Minh City: Centre of community development, 2012.
5. The Asia Foundation. Đóng góp từ thiện tại Việt Nam. Hà Nội: Vietnam Asia Pacific Center & The Asia Foundation, 2011.
6. Sidel M. The emergence of a voluntary sector and philanthropy in Vietnam: functions, legal regulation and prospects for the future. *Voluntas: International Journal of Voluntary and Nonprofit Organizations*. 1997;8(3):283-302. English.
7. Dalton RJ, Ong N-NT. Civil society and social capital in Vietnam. *Modernization and Social Change in Vietnam* Hamburg, Institut für Asienkunde. 2005.
8. Bui TH. The development of civil society and dynamics of governance in Vietnam's one party rule. *Global Change, Peace & Security*. 2013 2013/02/01;25(1):77-93.
9. Hsu CL. 'Rehabilitating Charity' in China: The Case of Project Hope and the Rise of Non-Profit Organizations. *Journal of Civil Society*. 2008 2008/09/01;4(2):81-96.

10. Sidel M. Law and the regulation of civil society: nonprofit organizations, philanthropy, grassroots organizations, and the state. In: Sidel M, editor. Law and society in Vietnam: The transition from Socialism in Comparative Perspective. Cambridge: Cambridge University Press; 2008. p. 141-65.
11. Anheier HK, List R. A dictionary of civil society, philanthropy, and the non-profit sector. London; New York: Routledge; 2005.
12. Fleiss, J. L, B. Levin, and M.C. Paik. Statistical Methods for Rates and Proportions, 3<sup>rd</sup> ed. New York: Wiley; 2003
13. Malarney SK. The Limits of "State Functionalism" and the Reconstruction of Funerary Ritual in Contemporary Northern Vietnam. *American Ethnologist*. 1996;23(3):540-60.
14. Craig D. Familiar medicine: everyday health knowledge and practice in today's Vietnam. Honolulu: University of Hawai'i Press; 2002.
15. Hy Van Luong. Tradition, revolution and market economy in a North Vietnamese village, 1925-2006. Honolulu: University of Hawai'i Press; 2010.
16. Regnerus MD, Smith C, Sikkink D. Who Gives to the Poor? The Influence of Religious Tradition and Political Location on the Personal Generosity of Americans toward the Poor. *Journal for the Scientific Study of Religion*. 1998;37(3):481-93.
17. Brandon V, Hill JP, Smith C. Religion and Charitable Financial Giving to Religious and Secular Causes: Does Political Ideology Matter? *Journal for the Scientific Study of Religion*. 2011;50(3):450-69.
18. Gillespie J, Penelope N. Asian socialism & legal change : the dynamics of Vietnamese and Chinese reform. Canberra

ACT: Australian National University E Press : Asia Pacific Press; 2005.

19. Bekkers R, Wiepking P. A Literature Review of Empirical Studies of Philanthropy: Eight Mechanisms That Drive Charitable Giving. *Nonprofit and Voluntary Sector Quarterly*. 2011;40(5):924-73. English.

20. Adam T. *Buying respectability : philanthropy and urban society in transnational perspective, 1840s to 1930s*. Bloomington: Indiana University Press; 2009.

21. Vinh PTT. Văn bia thời Lê xứ Kinh Bắc và sự phản ánh sinh hoạt làng xã. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin; 2003.

22. Sơn Duân. Trung Quốc: Đóng góp từ thiện giảm mạnh vì mất lòng tin: Thanh niên Online; 2011 [updated 8/12/2011; cited 2013 05/05]. Available from: <http://www.thanhnien.com.vn/pages/20111208/trung-quoc-dong-gop-tu-thien-giam-manh-vi-mat-long-tin.aspx>.

23. Kauffman CJ. Politics, Programs, and Protests: Catholic Relief Services in Vietnam, 1954-1975. *The Catholic Historical Review* *The Catholic Historical Review*. 2005;91(2):vi, 223-50. English.

24. Marshall V-N. Tools of Empire? Vietnamese Catholics in South Vietnam: The Canadian Historical Association / La Société historique du Canada *Érudit*; 2009. Available from: <http://id.erudit.org/iderudit/044402ar>.

25. Oanh NT. Historical development and characteristics of social work in today's Vietnam. *International Journal of Social Welfare*. 2002;11(1):84-91. English.



VIỆN NGHIÊN CỨU  
XÃ HỘI KINH TẾ VÀ MÔI TRƯỜNG  
THE INSTITUTE FOR STUDIES OF SOCIETY,  
ECONOMY & ENVIRONMENT (ISEE)  
*www.isee.org.vn*

Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (ISEE) là một tổ chức khoa học và công nghệ. Chúng tôi hoạt động vì quyền của các nhóm thiểu số trong xã hội, nhằm hướng đến một xã hội văn minh, thịnh vượng, tự do, bình đẳng, nơi mọi người được đối xử công bằng và những giá trị nhân bản được tôn trọng.

ĐC: Phòng 203, tòa nhà Lake View, D10 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội.  
ĐT: +84 4 6273 7933. F: +84 4 6273 7936.  
E: [isee@isee.org.vn](mailto:isee@isee.org.vn). W: [isee.org.vn](http://isee.org.vn).